

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

Date
17.07.26

Group
B14
Round
1
Board
1

WHITE Amanmammadov Emir				FED TKM				RESULT (W) 1/2			
BLACK Abdusattar Alishev				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	d4	P:b5	41					
2	d4	d5	22	R:b5	g2	42					
3	bd2	bf6	23	a4	as	43					
4	es	ba7	24	Pe2	d24	44					
5	ebf3	c5	25	Pc4	bf3	45					
6	c3	ba	26	Rb2	Ra8	46					
7	Pb5	a1	27	Pa2	Pb4	47					
8	P:c6	bc	28	Pc3	Rc6	48					
9	O-O	Pe7	29	Ad1	Pb2	49					
10	Ra4	dc	30	Pa3	Pd3	50					
11	P:c5	bb3	31	Rb1	Ra8	51					
12	Re1	h1	32	gR2	Rb4	52					
13	Ra5	Ria5	33	gR2	Rb2	53					
14	h1a5	c5	34	db9	h3	54					
15	ba	Pf8	35	dc4	Rc7	55					
16	Pe3	as	36	P:c7	bb2	56					
17	bs	ab	37			57					
18	cb	cb	38			58					
19	Rb1	h3	39			59					
20	q4	P:c	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳棋院

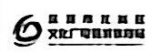
Date
17.07.26

Group
B14
Round
1
Board
1

WHITE Amanmammadov Emir				FED TKM				RESULT (W) 1/2			
BLACK Abdusattar Alishev				FED KAZ				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	h3	Ag8	41	Kb5	Kd3			
2	d4	d5	22	g4	Ca6	42	Kc7	Ac7			
3	Kd2	Kf6	23	Kb4	Cb4	43	Cc7	Kb2			
4	e5	Kfd7	24	Ab4	Kf7	44					
5	Kb5	C5	25	a4	Agc8	45					
6	c3	Kc6	26	a5	Cb2	46					
7	g5	a6	27	Kd4	Cc4	47					
8	Cc6	bc	28	Kf3	Ag6	48					
9	O-O	ce7	29	Ab7	Acas	49					
10	Pa4	Pc7	30	Cd2	Kgce	50					
11	dc	Cc5	31	Cb4	Kg8	51					
12	Kb3	ce7	32	Cc3	Ag6	52					
13	Le1	h6	33	Kd4	Agccf	53					
14	Pa5	Pa5	34	Cb2	Ag	54					
15	Ka5	C5	35	Ca3	Agc8	55					
16	Kc6	Cf8	36	Cd6	Ag6	56					
17	Cc3	a5	37	Agb1	Ag8	57					
18	g4	ab	38	Kg2	Ca6	58					
19	Cb	Cb	39	Ag84	Kf8	59					
20	Agc1	g5	40	Ag2	Kc5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

11/19

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.17

Group B14
Round 1
Board 2

WHITE <i>Liang Lin</i>				FED				RESULT (W) 1			
BLACK <i>Xie Yuyang</i>				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	d5	Nd7	41	Qc7	Qf2			
2	u4	e6	22	f4	Nf8	42	d8=Q	Kh6			
3	Nf3	d5	23	f5	Rd1	43	Qh2	Kg7			
4	Nc3	Be7	24	Qd1	Bb5	44	Qe7	Qf7			
5	Bf4	u6	25	Nb1	Bh6	45	Qh5	Kg8			
6	e3	Nbd7	26	Qs4	Rd8	46	Qb8	Kg7			
7	Qc2	o-o	27	h4	Rd4	47	Qb8				
8	Rd1	Re8	28	f6	g6	48					
9	h3	Nf8	29	h5	Qe8	49					
10	Bb3	b6	30	Bf4	Bf4	50					
11	o-o	Bb7	31	Qf4	Nd7	51					
12	e4	d6	32	h3	f7	52					
13	Bu4	Qc8	33	Qh6	Qf8	53					
14	Rfe1	Nb6	34	Re6	Kg8	54					
15	Bh2	Bab	35	Qf4	Bu4	55					
16	Bb3	Qb7	36	Bu4	Ru4	56					
17	Q3	Ra8	37	Nd2	Rc3	57					
18	Ra2	Red8	38	e6	Qf6	58					
19	b4	Qa8	39	ed	Qd4	59					
20	Nes	Nes	40	Kh1	Kg7	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Liang Lin</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Xie, Yuyang</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Jiang Xun</i>			

11/19

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.16/17

Group B14
Round 1
Board 2

WHITE <i>Jiang, Liu</i>				FED				RESULT (W) 1			
BLACK <i>Xie, Yuyang</i>				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	dxe5	Nd7	41	Qc7	Qf2			
2	c4	e6	22	f4	Nf8	42	d8=Q	Kh6			
3	Nf3	d5	23	f5	Rd1	43	Qh2	Kg7			
4	Nc3	Be7	24	Qd1	Bb5	44	Qe7	Qf7			
5	Bf4	c6	25	Nb1	Bh6	45	Qh5	Kg8			
6	e3	Nbd7	26	Qf4	Rd8	46	Qb8	Kg7			
7	Qc2	o-o	27	h4	Rd4	47	Qb8				
8	Rd1	Re8	28	f6	g6	48					
9	h3	Nf8	29	h5	Qe8	49					
10	Bd3	b6	30	Bf4	Bxf4	50					
11	o-o	Bb7	31	Qxf4	Nd7	51					
12	e4	dxc4	32	h3	f7	52					
13	Bxc4	Qc8	33	Qh6	Qf8	53					
14	Rfe1	Nb6	34	Bxc6	Kh8	54					
15	Bh2	Bab	35	Qf4	Bc4	55					
16	Bb3	Qb7	36	Bxc4	Rxc4	56					
17	Q3	Ra8	37	Nd2	Rc3	57					
18	Ba2	Red8	38	e6	Qxf6	58					
19	b4	Qa8	39	Qxd7	Qd4	59					
20	Nes	Nes	40	Kh1	Kg7	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Jiang, Liu</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Xie, Yuyang</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Jiang Xun</i>			

12:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
17.07.26.

Group
B14
Round
1
Board
3

WHITE Trinh Hoang Lam				FED VIE		RESULT (W) 1		
BLACK Zharas Alidiyar				FED kaz		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	a4	Nc4	41	Re2	
2	c4	e6	22	Bc1	Re8	42		
3	g3	d5	23	d5	e5	43		
4	Bg2	Nc6	24	f4	Qd7	44		
5	Nf3	Bd6	25	f5	Nd6	45		
6	O-O	O-O	26	h4	f6	46		
7	e3	b6	27	Qf3	u88	47		
8	Re1	Bb7	28	g4	Nf7	48		
9	Nc3	dxc4	29	Rd2	u8	49		
10	Nd2	Na5	30	Rg2	Qe7	50		
11	Bxb7	Nxb7	31	g5	hxc5	51		
12	Nxc4	Bb4	32	hxc5	fxg5	52		
13	Ne5	Bxe3	33	Qh5	Rd6	53		
14	bxc3	c5	34	Bxc5	Nxc5=	54		
15	e4	h6	35	Rxc5	Rh6	55		
16	Ng4	uh8	36	f6	Qxc6	56		
17	Be3	Rce	37	Qg4	Rc7	57		
18	Qf3	Nxc4	38	Rf5	Rf7	58		
19	Qxc4	Nd6	39	Rxf6	gxf6	59		
20	Rad1	Qe7	40	Qc8+	u87	60		
SIGNATURE (WHITE) Lam			SIGNATURE (BLACK) Zharas			SIGNATURE - (ARBITER) Jiang Xun		

12:33

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B14
Round
1
Board
3

WHITE				Trinh Hoang Lam				FED		RESULT (W) 1	
BLACK				Zharas, Alidiyar				FED		RESULT (B) ①	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	Nf6 Nf6	21	a4	Nc4	41	Re2				
2	c4	ec	22	Bc1	Rfd8	42					
3	g3	d5	23	d5	e6	43					
4	Bg2	Nf6 Nf6	24	f4	Qd7	44					
5	Nf3	Bd6	25	f5	Nd7	45					
6	O-O	O-O	26	h4	h1	46					
7	e3	b1	27	Qf3	kg8	47					
8	xe1	Bb7	28	g4	Nf7	48					
9	Nc3	ec	29	Rd2	1f8	49					
10	Nd2	Na5	30	Rg2	Qe7	50					
11	Bb7	Nb7	31	g5	hg	51					
12	Nc4	Bb4	32	hg	fg	52					
13	Ne5	Bc3	33	Qh5	Rd6	53					
14	bc	c5	34	Bg5	Ng3	54					
15	e4	hb	35	Rg5	Rh6	55					
16	Ng4 Ng4	Kh8	36	f6	Qf6	56					
17	Be3	Rc8	37	Qg4	Rc7	57					
18	Qf3	Ng4	38	Rf5	Rf7	58					
19	Bg4	Nd6	39	Rf6	g-f	59					
20	Rad1	Be7	40	Qf8	Xg7	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Lam			Zharas			Jiang Xun					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17-7-26

Group C14B
Round 1
Board 4

WHITE Monvey Zhu				FED AUS				RESULT (W) 1			
BLACK Xinming Li				FED CHN				RESULT (B) 6			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	exd5	Qd6	21			41					
2	Re4	f5	22			42					
3	Re3	Qe6	23			43					
4	Qf2	Kg8 h5	24			44					
5	Rd1	Re3	25			45					
6	Kg1	Rd6	26			46					
7	Qb2	Kg7 o72	27			47					
8	Rxc5 f2	Rdd7	28			48					
9	Qe2	Ree5	29			49					
10	Qee5	Qee5	30			50					
11	Rxc5	Rd6	31			51					
12	f4	Nf6	32			52					
13	Kf2 8	g5 13	33			53					
14	g3	g4	34			54					
15	g4	Kg6	35			55					
16	Reb1 ?	Ree6	36			56					
17	dxe6	Kf6	37			57					
18	Kc3	Kxc6	38			58					
19	Kd4	Kd6	39			59					
20	h5		40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17-7-26

Group C14B
Round 1
Board 4

WHITE Harvey Zhu				FED AUS				RESULT (W) 1			
BLACK Xinming Li				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 89	c5 90	21	Nc3 47	Rac8 8	41	h4 18	h7t 07			
2	Nf3 89	d6 91	22	a4 47	Ne6 6	42	Nel 8	Qb7 0			
3	Bb5+ 88	Bd7 91	23	Nd5 43	Qb7 5	43	Nc3 18	Na6 0			
4	Bxd7+ 89	Qxd7 91	24	Qb4 42	Nc5 2	44	Rdd1 17	Qc6 1			
5	c4 88	Nc6 88	25	Bb5 37	Rd7 3	45	Bd4 17	Bxd4 1			
6	Nc3 88	g6 86	26	Rb1 09	h6 2	46	end4 17	Nb4 1			
7	d4 88	Cxd4 85	27	gcs 36	e6 1	47	Qd2 14	Qc5 1			
8	Nxd4 88	Bg7 85	28	Nf4 36	Qc7 1	48	Nb5 14	Nc6 0			
9	Qe3 88	Nf6 84	29	Nd3 32	Rcd8 1	49	Rps 13	Nb4			
10	f3 88	O-O 81	30	Rac1 32	Kh7 1	50	Rdc3 13	Kh7			
11	Qd3 87	Rf8 78	31	Nf4 28	Qc6 1	51	Rd1 13	Qh5			
12	b3 87	Qd8 72	32	Qa3 27	a5 1	52	Qf2 13	Qc5			
13	O-O 84	Nd7 66	33	h3 25	gcs 0	53	Qe1	Qc5			
14	Kh1 73	Nc5 48	34	Nd3 23	Bg7 1	54	Nb4	Qc5			
15	Qd2 73	Qd7 44	35	Qb2 22	Kg8 0	55	Kgccc1	Qc5			
16	Rfd1 69	Rd8 35	36	Qd3 22	Na6 0	56	Nd2	Nrc2			
17	Rac1 67	Nxd4 25	37	Nf4 20	Nc5 1	57	Nrc2	Qc5			
18	Bxd4 67	b6 21	38	Rd2 20	Kh7 0	58	Rcd2	d5			
19	Nd5 58	Ne6 11	39	Rcd1 21	Bcs 1	59	Kd4	Qc6			
20	Bcs 51	Nc7 8	40	Rc1 18	Bst 0	60	Qd2	c5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.17

Group B14
Round 1
Board 4

WHITE Harvey Zhu				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Li Xinyi				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	Qd6	21			41					
2	Re4	A5	22			42					
3	Re3	Qb6	23			43					
4	Qf2	Kf8	24			44					
5	Rde4	Re8	25			45					
6	Kg1	Rd6	26			46					
7	Qf2	Kg7	27			47					
8	Rxe5	Rd7	28			48					
9	Qe2	Rxe7	29			49					
10	Qxe5	Qxe5	30			50					
11	Rxe5	Rd6	31			51					
12	f4	Kf6	32			52					
13	Kf2	g5	33			53					
14	g3	g4	34			54					
15	g4	Kg6	35			55					
16	Reb4	Rxe6	36			56					
17	Re	Kf6	37			57					
18	Re3	Rxe6	38			58					
19	Kd4	Kd6	39			59					
20	Kf		40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.17

Group B14
Round 1
Board 4

WHITE Harvey Zhu				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Li Xinyi				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf3	Rac8	41	Kf4	Kg8			
2	Nf3	d6	22	a4	Ne6	42	Nd2	Qb7			
3	Bb5+	Bd7	23	Nb5	Qb7	43	Nc3	Na6			
4	Bxd7+	Qxd7	24	Qb4	Nc5	44	Rdd1	Qc4			
5	c4	Nc6	25	Bg5	Rd7	45	Bd4	Bxb4			
6	Nc3	g6	26	Rb1	h6	46	Bxd4	Nb4			
7	d4	cd	27	Bc3	cb	47	Qd2	Ra5			
8	Nxd4	Bg7	28	Nf4	Qc7	48	Nb5	Nc6			
9	Be3	Nf6	29	Nd3	Rcd8	49	Kd3	Nb4			
10	f3	O-O	30	Rb1	Kh7	50	Rdc3	Kh7			
11	Qd3	Rfc8	31	Nf4	Qd6	51	Rd1	Qh5			
12	b3	Qd8	32	Qa3	a5	52	Qf2	Qa5			
13	O-O	Nd7	33	h3	13e5	53	Qe1	Qe5			
14	Kh1	Nc5	34	Nd3	Bg7	54	Nd6	Qa5			
15	Qd2	Qd7	35	Qa2	Kg8	55	Rcd1	Qe5			
16	Rcd1	Rd8	36	Qc2	Na6	56	Nc2	Nx2			
17	Rac1	Nxd4	37	Nf4	Nc5	57	Rxc2	Qc5			
18	Bxd4	h6	38	Rd2	Kh7	58	Rcd2	d5			
19	Nd5	Ne6	39	Rcd1	Bc5	59	Rd4	Qc6			
20	Be3	Nc7	40	Rc1	Bg7	60	Qd2	c5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

12136

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

SHEN
ZHEN
棋院中国象棋协会
文化广电新闻出版局Date
17.07.26Group
B14Round
1Board
5

WHITE Slashehev				FED Rus				RESULT (W) 1/2			
BLACK Obidov				FED UZB				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	kf3	d5	21	k:c6	q:c6	41	kpe2	kd7			
2	b3	kf6	22	ke2	ke4	42	cc3	cg7			
3	cb2	e6	23	ca5	kb6	43					
4	e3	ce7	24	kc3	k:c3	44					
5	c4	o-o	25	c:c3	qc7	45					
6	d4	b6	26	cg4	pd6	46					
7	cd3	cb7	27	cf3	pe6	47					
8	o-o	kbd7	28	h3	f5	48					
9	kc3	c5	29	pd2	ud7	49					
10	cd	ed	30	ca5	led8	50					
11	dc	bc	31	uc3	d4	51					
12	ke2	ue8	32	ucc1	g6	52					
13	kg3	cf8	33	ed	u:d4	53					
14	uc1	q66	34	pe3	q:e3	54					
15	pd2	uad8	35	fe	u:d1	55					
16	cc3	uc8	36	u:d1	u:d1	56					
17	cf5	ub8	37	c:d1	kc5	57					
18	ufd1	cc6	38	kpf2	ch6	58					
19	qb2	qb7	39	cd2	kf6	59					
20	ke5	ubd8	40	cf3	kpf7	60					
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) 				SIGNATURE (ARBITER) Jiang Xun			

12136

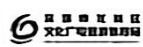
28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

SHEN
ZHEN
棋院中国象棋协会
文化广电新闻出版局Date
17Group
B14Round
1Board
5

WHITE Slashehev				FED Rus				RESULT (W) 1/2			
BLACK Obidov				FED UZB				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	kb3	d5	21	k:c6	q:c6	41	kpe2	kd7			
2	b3	kbb6	22	ke2	ke4	42	cc3	cg7			
3	cb2	e6	23	ca5	kb6	43					
4	e3	cd7	24	kc3	k:c3	44					
5	c4	o-o	25	c:c3	qc7	45					
6	d4	b6	26	cg4	pd6	46					
7	cd3	cb7	27	cf3	pe6	47					
8	o-o	kbd7	28	h3	f5	48					
9	kc3	c5	29	pd2	ud7	49					
10	cd	ed	30	ca5	led8	50					
11	dc	bc	31	uc3	d4	51					
12	ke2	ue8	32	ucc1	g6	52					
13	kg3	cf8	33	ed	u:d4	53					
14	uc1	q66	34	pe3	q:e3	54					
15	pd2	uad8	35	fe	u:d1	55					
16	cc3	uc8	36	u:d1	u:d1	56					
17	cf5	ub8	37	c:d1	kc5	57					
18	ufd1	cc6	38	kpf2	ch6	58					
19	qb2	qb7	39	cd2	kf6	59					
20	ke5	ubd8	40	cf3	kpf7	60					
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) 				SIGNATURE (ARBITER) Jiang Xun			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

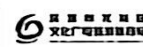
Group B-14

Round 1

Board 6

WHITE				FED				RUS		RESULT (W)		1	
BLACK				FED				RUS SGP		RESULT (B)		0	
Kryakvin Andrey													
Ng Yu Cheng Rigel													
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK					
1	d4	u16	21	g3	64	41	7c2						
2	u13	66	22	ke3	ca6	42							
3	g5	cb7	23	7b1	7a5	43							
4	c9e	c5	24	d5	es	44							
5	c5	cb7+16	25	u45	7b8	45							
6	0-0	cb7	26	1c1	g6	46							
7	c95	0-0	27	1c8	ccb	47							
8	k6d2	d1	28	u43	ca6	48							
9	9c2	u43	29	9c2	7b6	49							
10	e4	16	30	9a4	cd3	50							
11	cl6	cl6	31	9c6	7a5	51							
12	1ad1	cd	32	7b6	63	52							
13	k64	cd4	33	1a1	u64	53							
14	cd	65	34	7c5	7a4	54							
15	1a1	9a3	35	ce4	ce4	55							
16	u63	7b6	36	u94	u8	56							
17	u4	a5	37	u9c	u98	57							
18	7d2	a1	38	u64	6a	58							
19	u41	u68	39	u6	u92	59							
20	u62	u16	40	u46	u48	60							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]				[Signature]				[Signature]					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



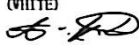
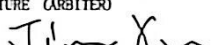
Date

17th July 2026

Group B14

Round 1

Board 6

WHITE Kryakvin Andrey				FED SGP Rus		RESULT (W) 1		
BLACK Ng Yu Cheng Rigel				FED SGP		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 70	Nf6 70	21	Qd3 65	b4 30	41	Qe7+ 25	
2	Nf3 91	b6 90	22	Ne2 65	Ba6 25	42		
3	g3 91	Ob7 91	23	Obl 62	Qa5 23	43		
4	Bg2 92	c5 90	24	d5 60	c5 22	44		
5	c3 88	c6 80	25	Nf5 58	Qd8 21	45		
6	0-0 88	Be7 80	26	Rc1 54	g1 18	46		
7	Bg5 87	0-0 83	27	Rxc8 54	Bxc8 18	47		
8	Nbd2 85	d6 78	28	Ne3 57	Ba6 18	48		
9	Qe2 65	Nbd7 78	29	Qe2 78	Qb6 16	49		
10	c9 87	h6 70	30	Qxa4 47	Rd3 16	50		
11	Bxf6 87	Bxf6 70	31	Qc6 41	Qa5 9	51		
12	Rad1 87	Qxd4 69	32	Qxd6 34	b3 8	52		
13	Nxd4 77	Bxd4 68	33	Ra1 34	Nxe4 8	53		
14	Qxd4 77	b5 67	34	Qxe5 33	Qa4 7	54		
15	Rfc1 73	Qa5 60	35	Bxe4 23	Bxe4 6	55		
16	Nb3 63	Qb6 58	36	Ng4 22	Rd8 2	56		
17	h4 69	a5 50	37	Nf6+ 22	Kf8 2	57		
18	Qd2 67	a4 46	38	Nxe4 23	bxa2 3	58		
19	Na1 67	Rac8 42	39	d6 23	Kg8 3	59		
20	Ne2 67	Nf6 42	40	Nf6+ 23	Kf8 3	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/17

Group
Round 1
Board 7

WHITE Aiden Cheng				FED SGP		RESULT (W) 0-1		
BLACK Nguyen Tung Quan				FED VIE		RESULT (B) 0-1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	a3	Nd7	41		
2	' Nf3	g6	22	b3	Qc5	42		
3	d4	cd	23	Qd4	Nd5	43		
4	Nd4	Nf6	24	c4	^{Ng4} Qe2	44		
5	Nc3	d6	25	Bd4 Rd4	g4	45		
6	Bb5	Bd7	26	Bh6	Rd4	46		
7	Bd7	Nd7 0-0	27	Qd4	g3	47		
8	Re1	0-0	28	Bf4	g5	48		
9	Be3	Rc8	29	Rd8	Qf3	49		
10	f4	Nb6	30	b4	cb	50		
11	e5	Nf5	31	Qe3	Qd5	51		
12	Nd5	Nd5	32	Kd8 Kb1		52		
13	Bc1	Qc7	33			53		
14	Kh8	de	34			54		
15	fe	Re8	35			55		
16	Qe2	axb	36			56		
17	c3	Nb6	37			57		
18	Bc4	eb	38			58		
19	Rel	Qc4	39			59		
20	Qd4 Rd5		40			60		
SIGNATURE (WHITE) Aiden				SIGNATURE (BLACK) Quan		SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17/10/2026

Group B14
Round 1
Board 7

WHITE				FED		RESULT (W)		
Aiden				SGP		0		
BLACK				FED		RESULT (B)		
Nguyen Tung Quan				VIE		1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qf3	nd5	41	Kg1	Qd3
2	1f3	g6	22	as	nd7	42	Qxe3	nx3
3	d4	cd	23	b3	Qc5	43	nc3	xxa3
4	nxd4	ntf6	24	Qe4	nx35	44	nx35	na4
5	nc3	d6	25	c4	ng4	45	f5	g4
6	Bb5	Bd7	26	Qe2	nxd4	46	Kf2	Kg5
7	Bxd7	Nbxd7	27	Qxg4	Bh6	47	Kg3	xa3
8	O-O	Bg7	28	nxd4	Qxd4	48	Kf2	Kf6
9	Re1	O-O	29	g3	Bxf4	49	Bf6	f4
10	Be3	nc8	30	g4	nd8	50	nd4	Kf5
11	f4	nb6	31	Qf3	b5	51	nd5	e5
12	e5	ntd3	32	cb	ab	52	Qd7	na2
13	nxd5	nxd5	33	Qe3	Qd5	53	Kg1	Kg4
14	Bc1	Qc7	34	Kg1	Qf5	54	ntf7	Kf3
15	Kh1	de	35	nc1	nd3	55	h3	e4
16	fe	nd8	36	Qf2	Qg4	56	xxh7	e3
17	Qe2	ab	37	Kh1	nd3	57	ne7	e2
18	c3	nb6	38	nc8	Kg7	58	h4	nd1
19	Bf4	ef	39	Qd4	Kh6	59	Kd2	e1=Q
20	nad1	Qc4	40	nc1	Qf3	60	xxe1	xxe1
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
Aiden				Quan				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.17

Group
B14

Round

Board

8

WHITE <i>Yerzhanuly Yerkler</i>				FED		RESULT (W)		0	
BLACK <i>范方林</i>				FED		RESULT (B)		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	K h1	N e4	41			
2	Nf3	db	22	Bc4	Re	42			
3	d4	cd	23	Nf5	00	43			
4	Nd4	Nf6	24	Re1	Bc2	44			
5	Nc3	Nc6	25	Rc2	bc	45			
6	Bg5	ab	26	h4	Qes	46			
7	Qd2	e6	27	Rf1	Rd8	47			
8	Re2	h6	28	Bg4	Bg5	48			
9	Be3	Be7	29	Qg5	Rd1	49			
10	000 B00	Bd7	30			50			
11	F d4	Qd7	31			51			
12	Bf3	Rc8	32			52			
13	Qe2	b5	33			53			
14	Kb1	FNa4	34			54			
15	Rd4	a5	35			55			
16	Rf1	b4	36			56			
17	Ne2	e5	37			57			
18	Re2	a4	38			58			
19	b3	a3	39			59			
20	Rb6	Nb3	40			60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
<i>[Signature]</i>				<i>[Signature]</i>		<i>[Signature]</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

17.07.26

Group
B14

Round

Board

8

WHITE <i>Yerzhanuly Yernur</i>				FED		RESULT (W)		0	
BLACK <i>Fan Liapi</i>				FED		RESULT (B)		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	ra1	N e4	41			
2	Nf3	d6	22	B e4	B e4	42			
3	d4	cd	23	Fe	Le	43			
4	Nd4	Nf8	24	Nf5	o:o	44			
5	Nc3	Nc8	25	per	Bc2	45			
6	Bg5	ao	26	Rc2	Bc	46			
7	Qd2	e6	27	Qd3	Bg5	47			
8	Be2	h6	28	d4	Qes	48			
9	Be3	Be7	29	Pf1	Pd8	49			
10	ao	Bd7	30	Bg5	h6	50			
11	F4	Qc7	31	Op5	Pd1	51			
12	Bf3	Qf2	32			52			
13	ra1	Nd4	33			53			
14	Pd4	a5	34			54			
15	Pc1	04	35			55			
16	Ne2	e5	36			56			
17	Pd2	ao	37			57			
18	C3	D3	38			58			
19	Qc3	Bc6	39			59			
20	Np3	Qd7	40			60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
<i>[Signature]</i>				<i>[Signature]</i>		<i>[Signature]</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

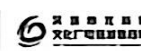


Date 2026/7/17

Group C12 B
Round 01
Board 09

WHITE Zhou ziteng			FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Wijerathne Vinukya Dihan			FED SRI			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rh5 (1.15)	Nh5 (1.19)	41	Kd5	Qb3
2	c4	e6	22	Nf3 (1.14)	f3 (1.13)	42	h-d6	e2
3	Nc3	Bb4	23	Be3 (1.11)	f-e4	43		
4	a3	Bc3	24	Qe4	Nf4 (1.06)	44		
5	bc3 f3 (1.25)	c5 (1.25)	25	Qe4	e4 (1.06)	45		
6	Bf4	Qa5 (1.13)	26	Nd2	Re3 (1.09)	46		
7	Bd2	O-O (1.22)	27	g4 (1.16)	Nd5 (1.07)	47		
8	Nf3 f3 (1.33)	d6 (1.12)	28	g5 (1.07)	Nc3+ (1.04)	48		
9	Qc7 (1.34)	Nc6 (1.21)	29	Kf1	Kf3 (1.07)	49		
10	e3 (1.34)	P5 (1.21)	30	Bd5 (1.07)	Rf4 (1.06)	50		
11	h3 (1.30)	Re6 (1.19)	31	kg2	ds (1.06)	51		
12	ds f3 (1.30)	Ne7 (1.18)	32	Qg3	Rf5	52		
13	e4 (1.30)	Ng5 (1.17)	33	Cd5	Rf2	53		
14	Be2 (1.29)	Nf4 (1.13)	34	Qp2	Rf2	54		
15	g3 (1.25)	Ne2	35	h-f2	Qe2+	55		
16	ke2	Qa1 (1.13)	36	kg3	e3	56		
17	Qd3	Bf5 (1.13)	37	Nf3	Qe2	57		
18	Ng5 (1.21)	Bg6 (1.13)	38	Kg4	Qg2+	58		
19	h4 (1.19)	h-c (1.14)	39	h-e4	Nd5	59		
20	h5 (1.15)	Bh5+ (1.14)	40	h-p4	Qg2	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.17

Group B/4
Round 01
Board 09

WHITE 121111			FED			RESULT (W) 0		
BLACK Wijerathne Vinukya Dihan			FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rh5	Nh5	41	h-d5	0.15
2	c4	e6	22	Nf3	f3	42	h-d6	0.2
3	Nc3	Bb4	23	Nc3	Bb4	43		
4	a3	Bc3	24	Qe4	Nf6	44		
5	bc	c5	25	Qf4	e4	45		
6	Kf4	Qa5	26	Nd2	Re3	46		
7	Bd2	O-O	27	g4	Nd5	47		
8	Nf3	d6	28	Nf3	Nc3	48		
9	Qc7	Nc6	29	Nc3	Nc6	49		
10	e3	P5	30	e3	P5	50		
11	h3	Re6	31	Kf2	d5	51		
12	ds f3	Ne7	32	d5	Ne7	52		
13	e4	Ng5	33	e4	Ng5	53		
14	Be2	Nf4	34	Be2	Nf4	54		
15	g3	Ne2	35	g3	Ne2	55		
16	ke2	Qa1	36	ke2	Qa1	56		
17	Qd3	Bf5	37	Qd3	Bf5	57		
18	Ng5	Bg6	38	Ng5	Bg6	58		
19	h4	h-c	39	h4	h-c	59		
20	h5	Bh5+	40	h5	Bh5+	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

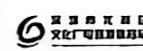
Group U14

Round 1

Board 10

WHITE Siddhanth Poonja				FED IND		RESULT (W) $\frac{1}{2}$		
BLACK Jin Ziyang				FED HKG		RESULT (B) $\frac{1}{2}$		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4 1:25	C5 1:30	21	Nd4 50	Nd4 42	41	Kd2 22	Ra3 13
2	g3 1:23	Nc6 1:30	22	ed 50	b4 36	42	Bb3 21	Ra5 13
3	Bg2 1:23	g6 1:31	23	Bg7 45	Bf8 32	43	Rf4 18	Rb6 5 12
4	Nc3 1:23	Bg7 1:3	24	d5 44	Bc5 29	44	Bf7 18	Kg7 12
5	Nf3 1:23	e6 1:31	25	Bc5 44	Rc5 30	45	Be6 15	Re5 11
6	h4 1:23	h5 1:25	26	Rfd1 49	ed 28	46		
7	d4 1:16	cd 1:16	27	Res 43	Rb5 26	47		
8	Nb5 1:16	d5 1:13	28	Bd5 42	0-0 25	48		
9	Cd1 1:16	Qa5 1:18	29	BC4 42	Rb7 25	49		
10	Qd2 1:16	Qb5 1:09	30	Bd5 42	Rb6 24	50		
11	dc 1:17	Qc6 1:08	31	a3 40	ba 22	51		
12	0-0 1:17	Ab6 1:04	32	Rc3 41	a2 20	52		
13	b3 1:15	Ne7 1:01	33	Rc1 41	Bf5 21	53		
14	Bb2 1:09	Nc6 1:05	34	Ra1 37	Bb1 21	54		
15	Ba3 1:07	Qa5 55	35	b4 37	Ra6 19	55		
16	Qb2 1:05	Qc3 54	36	b5 37	Ra5 19	56		
17	Qc3 1:01	dc 54	37	Rb4 25	Rb8 14	57		
18	Rc1 1:01	Bd7 52	38	BC4 25	Rb6 14	58		
19	e3 1:01	b5 47	39	Kf1 24	Ra3 12	59		
20	BC5 56	Rc8 45	40	Ke1 23	Ra7 12	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
hax			Oscar					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B-15

Round 1

Board 10

WHITE Siddhanth Poonja					FED IND		RESULT (W) 1/2	
BLACK Jin Ziyang					FED HKG		RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Nd4	Nxd5	41	Ke1	Ra7
2	g3	Nc6	22	exd4	b5	42	Kd2	Ra3
3	Bg2	g6	23	Bxa7	Bd0	43	Bb3	Rc5
4	Nc3	Bg7	24	d5	Bc5	44	Pf7	Rbxb5
5	Nf3	e6	25	Bxc5	Rxf5	45	Bxth	kgg
6	h4	h5	26	Rfd1	exd5	46	Be6	Res
7	d4	cx d4	27	Rd5	Rb5	47		
8	Nb5	d5	28	Bxd5	0-0	48		
9	cx d5	Qa5	29	Bc4	Rb7	49		
10	g d2	Qx5	30	Bd5	Rb6	50		
11	dx c6	Qxc6	31	a3	bxa3	51		
12	0-0	Qb6	32	Rxc3	a2	52		
13	b3	Ne7	33	Rc1	Bf5	53		
14	Bb2	Nc6	34	Ra1	Bb1	54		
15	Ba3	Qa5	35	b4	Ra6	55		
16	Qb2	Qc3	36	b5	Ra5	56		
17	Qxc3	dx c3	37	Rb7	Rb8	57		
18	Rac1	g d2	38	Bc5	Rb6	58		
19	e3	b5	39	Kg1	Ra3	59		
20	Bc5	Rc8	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Lia			Oscar			[Signature]		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.17 Board 11

Group u14
Round 1

WHITE wang, Kai			CHN			FED 1671			RESULT (W) 0		
BLACK Mahmoudi, Mohammad			Pouriya IRI			FED 2144			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	Nf6	21	Nd4	Bxd4	41	Qg4	f6			
2	Nf3	d5	22	exd4	Rc8	42	Qe2	Qa1			
3	Bf4	c5	23	Rc1	Qe6	43	Kb3	h3			
4	e3	Nc6	24	Bxc6	Rdxc6	44	f3	Pe7			
5	Nb2	Bf5	25	Rxc6	bxc6	45	Ra2	Qg1			
6	Jrc5	eb	26	Rc1	Qg6	46	Qh2	Qre3			
7	Nd4	Bxc5	27	Ka2	Rb8	47	Ka4	Qxf4			
8	Nxf5	exf5	28	Qra5	Qd3	48	ab	Qb6			
9	Nb3	Bd6	29	Qc3	Qf5	49	b5	Rc7			
10	Bg5	o-o	30	Rc2	Rb6	50	Rb2	Rc1			
11	Be2	Re8	31	Ke3	g5	51	Qd2	Qc5			
12	g3	h6	32	K4	h5	52	Ka5	Ra1			
13	Bxf6	Qxf6	33	a5	Rab	53	Ra2	Qc7			
14	c3	Rac8	34	Rd2	Qh3	54	Ka4	Qf4			
15	Qd2	Qe7	35	Qh3	Ra7	55	Ka3	Rxa2			
16	o-o-o	a5	36	Rc2	Qrk2	56	Qra2	Qxb5			
17	a4	f4	37	Qf5	Qg1	57	a7	Ob7			
18	Jrc4	Bxf4	38	Qc8	Kg7	58	Qe2	dt			
19	Bb5	Re5	39	Qxc6 1/2?	h4	59	Qxf4	h2			
20	Kb1	R1d6	40	Qc5	Qd1	60	Qe4	Qra7			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
1/Naing			m								

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.17 Board 11

Group B14
Round 1

WHITE Wang, Kai (1671)					FED +671 CHN		RESULT (W) 0	
BLACK Mahmoudi, Mohammad Pouriya (2144)					FED 2144 IRI		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nd4	Bd4	41	Qg4	f6
2	Nf3	d5	22	cd	Rc8	42	Qd2	Qa1
3	Bf4	c5	23	Rc1	Qc6	43	Kb3	h3
4	e3	Nc6	24	Bxc6	Rxb.Rdxc6	44	f3	Re7
5	Nd2	Bf5	25	Rcb	bc	45	Rh2-Ra2	Qg8
6	dc	eb	26	Rcl	Qg6	46	Qh2	Qc3
7	Nd4	Bf5 Bc5	27	Kh2-Ka2	Rb8	47	Kh4	Qe4
8	Bf5 Nf5	Naf	28	Qa5	Qc6	48	h6	Qb6
9	Nb3	Rd6	29	Qc3	Qf5	49	g5-b5	Rf6
10	Bg5	o-o	30	Rc2	Rb6	50	Rb2	Rc1
11	Be2	Re8	31	Ka3	g5	51	Qd2	Ka5
12	g3	h6	32	g4	h5	52	Ra1	Ra2
13	Bxf6	Qxf6	33	a5	Rab	53	Qd7	Ka4
14	c3	Rac8	34	Rd2	Qh3	54	Qc5 ✓	Ka3
15	Qd2	Qe7	35	Qb3	Ra7	55	Ra2	Qa
16	o-o-o	o-K5	36	Rc2	Qh2	56	Qa2	Qb4
17	a4	f4	37	Qf5	Qg1	57	a2	Qb7
18	gf	Bf4	38	Qc8	Kg7	58	Qc2	dl4
19	Bb5	Be5	39	Qc6	h4	59	Qd4	a2g
20	Kh1	Rd6	40	Qc5	Qd8	60	Qe4	Qa7
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Wang			M			P		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026



WHITE	BLACK	RESULT (W)	RESULT (B)
Shamveer Bodeli	Burkitbayev Hilol	IND	KAZ

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C5	Rd6	21	Rd6	Bg6
2	Nf3	d6	22	e5	Bg2
3	d4	Cxd5	23	Bd6	Qf6
4	Nxd5	Nf6	24	Qe5	Rf8
5	Nc3	Qd6	25	Rc6	Bd7
6	Bd5	e6	26	Nd5	Bd5
7	f4	h6	27	Bd7	Qd8
8	Bh4	Nbd7	28	Cxd7	Bd5
9	Qf7	e5	29	Nd5	Rf8
10	Nd7	Cd7	30	Rc6	Rb7
11	Bd6	Nd7	31	Nc2	Rd8
12	O-O-O	Bd7	32	Qd5	Qd5
13	N3	Bd7	33	Qd5	Rd7
14	Nd7	O-O	34	Nf4	Rd8
15	Bd5	Cd7	35	Bd5	h5
16	Kb1	Bd7	36	Bd5	Rd8
17	g4	Rd8	37	Rd8	Cf4
18	Bb3	Bd5	38	Rd1	Rd2
19	Nd5	Rd8	39	Rd1	
20	Nd7	Rd8	40		

SIGNATURE (WHITE) *A*

SIGNATURE (BLACK) *B*

SIGNATURE (ARBITER) *C*

28th Asian Youth Chess Championships 2026



WHITE	BLACK	RESULT (W)	RESULT (B)
Bodeli Shamveer	Burkitbayev Hilol	IND	KAZ

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C5	Rd6	21	Rd6	Bg6
2	Nf3	d6	22	e5	Bg2
3	d4	Cxd5	23	Bd6	Qf6
4	Nd5	Nf6	24	Qe5	Rf8
5	Nc3	Qd6	25	Rc6	Bd7
6	Bd5	e6	26	Nd5	Bd5
7	f4	h6	27	Bd7	Qd8
8	Bh4	Nbd7	28	Cxd7	Bd5
9	Qf7	e5	29	Nd5	Rf8
10	Nd7	Cd7	30	Rc6	Rb7
11	Bd6	Nd7	31	Nc2	Rd8
12	O-O-O	Bd7	32	Qd5	Qd5
13	N3	Bd7	33	Qd5	Rd7
14	Nd7	O-O	34	Nf4	Rd8
15	Bd5	Cd7	35	Bd5	h5
16	Kb1	Bd7	36	Bd5	Rd8
17	g4	Rd8	37	Rd8	Cf4
18	Bb3	Bd5	38	Rd1	Rd2
19	Nd5	Rd8	39	Rd1	
20	Nd7	Rd8	40		

SIGNATURE (WHITE) *2*

SIGNATURE (BLACK) *8*

SIGNATURE (ARBITER) *A*

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
17.07.26

Group
B14

Round
1

Board
13

WHITE Jitjuajun Waratorn				FED THA		RESULT (W) 0		
BLACK Dduren Darmen				FED KAZ		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rc2	Rg8	41	b4	Bf4
2	d4	d5	22	Nb1	Be7	42	Nc1	Be3
3	e5	Bf5	23	Rc8	Qc8	43	Nf3	Bf4
4	Nf3	e6	24	Rc1	Qb7	44	Nf1	Bg3
5	Be2	Nd7	25	Nd2	h4	45	Nd3	Rb8
6	O-O	Ne7	26	Nf3	Kd7	46	Nc5	Kc6
7	C3	C5	27	Rc2	Nc8	47	Kg1	Rb1 #
8	dxc5	Nc5	28	Bd2	Na7	48		
9	Be3	Nc6	29	Qd1	Nc6	49		
10	Nd4	Nd4	30	Qc1	Qb6	50		
11	Cd4	Nd7	31	Kh1	Q5	51		
12	f4	h5	32	Bc1	Q4	52		
13	Bb5	a6	33	b4	Nb6	53		
14	Ba4	Be7	34	Bb4	Bb7	54		
15	Nc3	g6	35	Nh4	Be7	55		
16	Rc1	b5	36	Nf3	b4	56		
17	Bc2	Nb6	37	h4	b3	57		
18	Bxf3	gxf5	38	Rb2	Ba3	58		
19	b3	Rc8	39	Rb3	Qxb3	59		
20	Qb3	Ba3	40	Qxb3	Bxc1	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
17/07/2026

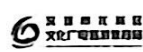
Group
U14 B

Round
1

Board
13

WHITE				Tha				RESULT (W)	
BLACK				Kha				RESULT (B)	
Dawon Darmen								1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4 1:24.57	c6	21	Rc2 1:03.40	Rg8	41	b4 1:22.29	Bxf4	
2	d4 1:24.48	d5	22	Nb1 1:00.18	Be7	42	Nc1 1:12.12	Bc3	
3	e5 1:25.05	Bf5	23	Rxc8 1:00.13	Qxc8	43	Nf3 1:10.10	Bf4	
4	Nf3 1:25.20	e6	24	Rc1 1:00.05	Qb7	44	Nc1 1:25.48	Bg3	
5	Be2 1:25.46	Nd7	25	Nd2 5:59.59	h4	45	Nd3	Rb8	
6	O-O 1:25.49	Ne7	26	Nf3 5:22	Kd7	46	Nc5	Kc6	
7	c3 1:25.37	c5	27	Rc2 5:53.35	Nc8	47	Nc5	Rb1#	
8	dxc5 1:25.31	Nxc5	28	Bd2 5:34.06	Na7	48			
9	Bc3 1:25.22	Nc6	29	Qd1 4:54.55	Nc6	49			
10	Nd4 1:24.52	Nd4	30	Qc1 1:45.43	Qb6	50			
11	Cd4 1:24.35	Nd7	31	Kh1 3:53.37	Q5	51			
12	f4 1:21.35	g5	32	Bc1 3:13.37	Q4	52			
13	Bb5 1:15.37	a6	33	b4 2:45.00	Nxb4	53			
14	Ba4 1:15.05	Be7	34	Bxb4 2:42.29	Bxb4	54			
15	Nc3 1:14.46	g6	35	Nh4 2:42.29	Be7	55			
16	Rc1 1:11.39	b5	36	Nf3 2:25.00	b4	56			
17	Bc2 1:10.07	Nb6	37	h4 1:19.57	b3	57			
18	Bxf5	gxf5	38	Rb2 1:18.19	Ba3	58			
19	b3 1:01.31	Rc8	39	Rxb3 1:18.19	Qxb3	59			
20	Qb3 1:04.01	Ba3	40	Qxb3 1:05.00	Bxc1	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

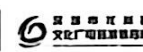
Group
U14

Round
1

Board
14

WHITE RAMTINKAKAMANCQ87FM2IRI				FED IRI		RESULT (V) 7		
BLACK MOHAMED YOOAN YAKSAN4560MV				FED MDV		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	P4	P6	21	RQ3	RE7	41	Q98	KF4
2	d4	d5	22	RQ3	RF6	42	Q93	KP4
3	NC3	NF6	23	QxF6	R-F6	43	R16	d+x2
4	Q5	NFd7	24	B+Fe	RE7	44	QF3	
5	F4	G5	25	Bes	Q6	45		
6	NF3	NC6	26	Bee	B14	46		
7	Bf3	Qx6	27	QEC3	Bf5	47		
8	A3	Q+d2	28	Rc8	RE7	48		
9	N14	Q+11	29	Bd6	KF7	49		
10	Qx11	Cx4	30	RBCP7	KxP7	50		
11	N1d4	N1d4	31	Rc7	K P6	51		
12	Bd4	Bee	32	Rc11	Bf7	52		
13	Bd3	MO-O	33	Rb7	h5	53		
14	Q-O	F6	34	R16	Q5	54		
15	Qxfo	Nx6	35	F195	Kx5	55		
16	R91	Bd7	36	A4	P5	56		
17	NC5	Bxc5	37	A5	B90	57		
18	Rxc5	RE6	38	A6	Btc9	58		
19	Q85	R1c0	39	A7	d4	59		
20	Bd4	b6	40	AB=Q	d3	60		
SIGNATURE (WHITE) RAMTINKAKAMANCQ87FM2IRI			SIGNATURE (BLACK) MOHAMED YOOAN YAKSAN4560MV			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

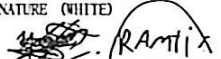
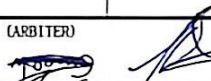


Date
17.7.2026

Group
B14

Round
1

Board
14

WHITE Kalcavand Ramlin					FED 2087		RESULT (W) 1	
BLACK Mohamed Yooan Yaksan					FED 1660		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qxf3	Rf3	41	Qfsx	
2	d4	d5	22	Bxf3	Rf7	42		
3	Nc3	Nf6	23	Bep	g6	43		
4	d5	Nd1	24	Be7	Bxh	44		
5	f4	c5	25	Rc63	Beg	45		
6	Nf3	Npc	26	Ren	Bd6	46		
7	Be3	Qb6	27	Kc7	Bce7	47		
8	a3	Qxb7	28	Kce7	Rx7	48		
9	Qxa1	Fxc5	29	Rex	h6	49		
10	Nx7	Nds	30	Rxa7	Bc7	50		
11	Bxc5	Be1	31	Rb7	Rxb5	51		
12	Bd3	O-O	32	ga	Fxg5	52		
13	O-O	f3	33	Kxg5	eg5	53		
14	exf3	Nxf3	34	a#5	Bb6	54		
15	Re1	Bd7	35	Na6	Bx66	55		
16	Nf4	Bxf4	36	a7	d4	56		
17	Re8	Qe4	37	a8=Q	d6	57		
18	Rae1	b3	38	Qg1h	tf4	58		
19	Ra3	Re1	39	Qb1h	Kes	59		
20	RNg5	Rf9	40	Rd6	Rce7	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17/7/26

Group U14

Round 1

Board 15

WHITE		Yeh Bang-Fu		C1660		FED		TPE		RESULT (W)		1/2			
BLACK		Baisa Bekov Maksat		C2052		FED		KAZ		RESULT (B)		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	b3	d5	21	Nxe5	Qxe5	41	Red1	f5							
2	Bb2	Bg7	22	Bf3	g5	42	Pxf4	gxf4							
3	d4	e6	23	g4	Reb6	43	Kxf4	Kb4							
4	Nd2	Nf6	24	Rd2	Kg7	44	Rd3	Rg7							
5	Ngt3	Nb67	25	Rc1	Ng8	45	Re3	Rg6							
6	e3	c6	26	Qf5	Qxf5	46	Kxf5	Rg5							
7	Be2	a5	27	gxfs	Kf6	47	Kf6	Rf8							
8	Qf4	Bb4	28	Rcd1	Ket	48	Bf7								
9	00	Qc7	29	Kf1	Ne7	49									
10	c3	Bdb	30	Ke2	Nxf5	50									
11	Ba3	Bra3	31	Rg1	h6	51									
12	Rxa3	00	32	Bh5	f6	52									
13	h3	Bxf3	33	Rgd1	d4	53									
14	Bxf3	e5	34	exd4	cxd4	54									
15	Qc2	Rfe8	35	c4	Ng7	55									
16	Raa1	c5	36	Bf7	Rbd7	56									
17	dxe5	Nxe5	37	Bd5	Nh5	57									
18	Be2	Rad8	38	Kf3	Nf4	58									
19	Rfd1	Reb	39	Rel	Kd6	59									
20	Nf3	bb	40	Rxd4	Kcs	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B14

Round 7

Board 15

WHITE Yeh Bang-Fu					FED 7660		RESULT (W) 1/2	
BLACK Daiselbekov Maksat					FED 2053		RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	b3	d5	21	Nc1	Re3	41	Nd1	f5
2	Bb2	Bg7	22	Bf1	g5	42	Rg4	g5
3	d4	e6	23	Q4	Rc1	43	Kxf4	Kb4
4	Nd2	Nf6	24	Rd2	Kg8	44	Rd7	Rg7
5	Nb1	e3	25	Rc1	Ng8	45	Re3	Rg6
6	c6	Be2	26	Rd4	Rd3	46	Kxf5	Rg5
7	Qf4	a5	27	Qf4	Kf6	47	Kf6	Rf8
8	Kf4	Bb4	28	Rc1	Kes	48	Bf7	
9	0-0	R13	29	Kf1	Ne7	49		
10	c3	Bd6	30	Ke2	Nf5	50		
11	Ba3	Ba3	31	Rg1	h6	51		
12	Ra3	0-0	32	Bh5	f6	52		
13	h3	Bxf3	33	Rg1	d4	53		
14	Bxf3	e5	34	exd4	cd	54		
15	Qc2	Rfe8	35	c4	Ng7	55		
16	Ra1	c5	36	Bf7	Rd1	56		
17	dxe5	Nxe5	37	Bd5	Nh5	57		
18	Be2	Rad8	38	Kf3	Nf4	58		
19	Rfd1	Re6	39	Rc1	Kd6	59		
20	Nf3	b6	40	Rd4	Kf4	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 16/07/26

Group B14

Round 1

Board 16

WHITE Zhao Liming					FED CHN		RESULT (W) 1	
BLACK Ryu Lieyanto					FED INA		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Nd6	Rb8	41	Kf2	1-0
2	c4	d5	22	Nb5	Kd8	42		
3	b4	c5	23	Qxb6	Bxc6	43		
4	Bb2	Nf6	24	Nxa7	Kc7	44		
5	g3	h5	25	Rb1	Ra8	45		
6	Bg2	h4	26	Nb5	Kc7	46		
7	Nxh4	e5	27	Rxa8	Rxa8	47		
8	d3	cxb4	28	Nd6	Rb8	48		
9	Nf3	Nc6	29	Rxb7	Rxb7	49		
10	0-0	Bf5	30	Nxb7	Nf6	50		
11	a3	Qd7	31	Nd6	Kc7	51		
12	h5	Nh7	32	Nb5	Kb7	52		
13	axb4	Bxb4	33	Nf3	Nd7	53		
14	Ba3	Ba3	34	Ng5	Bb3	54		
15	Rxa3	Bh3	35	Nxf7	Bxf7	55		
16	Nbd2	g5	36	Nd6	Kc7	56		
17	Ne4	gxb5	37	Nxf7	Nxc5	57		
18	Nxh5	0-0-0	38	Bxc6	Kxc6	58		
19	c5	Qe6	39	Nxc5	Kd5	59		
20	Qb3	Kc7	40	F4	Nb3	60		
SIGNATURE (WHITE) Zhao Liming			SIGNATURE (BLACK) Ryu			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.16

Group B14

Round 1

Board 16

WHITE Zhao, Liming					FED CHN		RESULT (W) 1	
BLACK Lieyanto, Ryu Manson					FED INA		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Nd6	Rb8	41	Kf2	
2	c4	d4	22	Nb5	Kd8	42		
3	b4	c5	23	Qe6	Be6	43		
4	Bb2	Nf6	24	Na7	Kc7	44		
5	g3	h5	25	Rb1	Ra8	45		
6	Bg2	h4	26	Nb5	Kd7	46		
7	Nh4	e5	27	Ra8	Ra8	47		
8	d3	cb	28	Ndb	Rb8	48		
9	Nf3	Nc6	29	Rb7	Rb7	49		
10	0-0	Bf5	30	Nb7	Nf6	50		
11	a3	Qd7	31	Ndb	Kc7	51		
12	h4	Nh7	32	Nb5	Kb7	52		
13	ab	Bb4	33	Nf3	Nd7	53		
14	Ba3	Ba3	34	Ng5	Bb3	54		
15	Ro3	Bh3	35	Nf7	Bf7	55		
16	Nbd2	g5	36	Ndb	Kc7	56		
17	Ne4	gh	37	Nf7	Nc5	57		
18	Nh4	0-0-0	38	Bcb	Kcb	58		
19	c5	Qe6	39	Nes	Kd5	59		
20	Qb3	Kc7	40	f4	Nb3	60		
SIGNATURE (WHITE) Zhao Liming			SIGNATURE (BLACK) Ryu			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE Ch Ng		FED		RESULT (W)	
BLACK Aran Bagapin		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	e5	nd5
2	c4	e6	22	dc	nd5
3	nc3	f5	23	oex	nd1
4	g3	mg6	24	o21	nd6
5	bg2	be7	25	rd	nd3
6	nh3	o-o	26	rd3	oc5
7	o-o	c6	27	rd3	rd5
8	b3	b6	28	ob5	od1
9	nb1	g67	29	pc8	f4
10	h3	h3	30	ag7	o
11	nc3	oe7	31	dh1	oe4
12	nc2	nd7	32	bg2	oe3
13	nh4	nh4	33	h1	oc1
14	nd5	rd8	34	oe7	kt7
15	f3	nd6	35	qoc	rd8
16	nd3	c5	36	oa7	kt6
17	cd	nd5	37	oc1	rd1
18	nd5	nd5	38	kg2	rd2
19	e4	bb7	39	br2	oc6
20	rc1	nd6	40	kt2	oc5
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE Edric Ching		FED MAS		RESULT (W)	
BLACK Lkhagvadorj, Tamba		FED MGL		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	es	nd5
2	c4	e6	22	dxcs	Ne3
3	nc3	f5	23	oe7	nd1
4	g3	mg6	24	oe7	ba6
5	bg2	be7	25	rd1	bx3
6	nh3	o-o	26	rd3	axcs
7	o-o	c6	27	kh1	rd3
8	b3	b6	28	qxd3	oe5
9	nb1	g67	29	qd1	re8
10	ba2	ba3	30	f4	oe3
11	nc3	oe7	31	bt1	oe4
12	nc2	nd7	32	bg2	oe3
13	nh4	nh4	33	br1	oc1
14	nd3	rd8	34	oe2	kt7
15	f3	nd6	35	qab	rd8
16	nd3	c5	36	ax7	xf6
17	cd5	nd5	37	qab	rd1
18	nd5	nd5	38	kg2	rd2
19	e4	bb7	39	be2	oc6
20	rc1	nd6	40	hf2	oc5
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

WHITE Ch Ng		FED		RESULT (W)	
BLACK Aran Bagapin		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	bb3	f4	21		
2	bc4	kd4	22		
3	bd6	f3	23		
4	kt2	kd3	24		
5	bd5	d3	25		
6	kt3	kt1	26		
7	kg2	e2	27		
8	bb7	e10	28		
9	ba6	ke3	29		
10	bt1	ot2	30		
11	kh4	kt4	31		
12	bac	ug6	32		
13			33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

WHITE Edric		FED MAS		RESULT (W)	
BLACK Lkhagvadorj, Tamba		FED MGL		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ba4	kd4	21		
2	bet	f3t	22		
3	kt2	kd3	23		
4	bd5	f3t	24		
5	kt3	rf1	25		
6	kg2	e2	26		
7	bb7	efq	27		
8	ba6t	ke3	28		
9	bx1	of2	29		
10	kh3	hf4	30		
11	ba6	qg3t	31		
12			32		
13			33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group		Round		Date		Result (1)		Result (2)	
VIA				7/17		7/17		7/17	
1		13							
2		13							
3		13							
4		13							
5		13							
6		13							
7		13							
8		13							
9		13							
10		13							
11		13							
12		13							
13		13							
14		13							
15		13							
16		13							
17		13							
18		13							
19		13							
20		13							

BLACK		Cyan X 100g		FED		KGA		RESULT (g)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	F46	F46	21			41			
2	g11	K48	22			42			
3	g3	K47	23			43			
4	K47	K46	24			44			
5	g3-2	K45	25			45			
6	g44	K46	26			46			
7	g5	K45	27			47			
8	g6	K45	28			48			
9	g7	K45	29			49			
10	Q4	K45	30			50			
11	g8-2	K45	31			51			
12	Q44		32			52			
13			33			53			
14			34			54			
15			35			55			
16			36			56			
17			37			57			
18			38			58			
19			39			59			
20			40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (COLORED)			

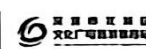
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B14
Round 1
Date 7/17 Board 19

WHITE				Yin Zhi Jun		FED		CHN CHN		RESULT (W)		0	
BLACK				夏锦南		FED		CHN CHN		RESULT (B)		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Bf5	Rcd8	41	Kf3	f5					
2	Nf3	d6	22	Rfd2	Rdb6	42	Kb3	ke7					
3	d4	cd	23	Rb1	Bc3	43	kd4	kd7					
4	Nd4	Nf6	24	Rd3	b4	44	kd5	g5					
5	Nc3	a6	25	Rbd4	g6	45	h4	g6					
6	g4	e5	26	Bg4	Rf6	46	g6	f4					
7	Nb3	Nbd7	27	Be2	a4	47	Kd4	ke6					
8	Bd3	Be7	28	Kb3	Bc5	48	Na5	Ba5					
9	oo	oo	29	Nc5	Nd5	49	Kf4	Bd8					
10	Be3	b5	30	Re4	mb	50	h5	h6					
11	a3	Bb7	31	rd6	ed6	51	ke4	Ka5					
12	h3	Rc8	32	Nb7	Ne4	52	Kd3	Bg5					
13	ee2	Nb6	33	Nd8	Bf5	53	ke2	ke4					
14	fe	de	34	Kb2	a5	54	K e1	Kc3					
15	Rad1	ae7	35	Bj3	Ne3	55	Kd1	Xb2					
16	Bb1	ab6	36	Bc6	Bb6	56	ke2	Kc2					
17	Qf2	Qf2	37	Nb7	ae4	57	Kb	Nd3					
18	Rf2	A3	38	Ba4	Na4	58	Kg	B3					
19	Nd5	Bd5	39	g3	xe7	59	Kf3	g62					
20	ed	Bb2	40	kg2	Kf8	60	ke 2	5f8					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)					
Yin Zhi Jun				Xia, Jin nan									

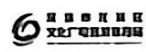
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 男子乙组
Round 1
Date 7.17 Board 19

WHITE 殷子俊				FED		RESULT (W) 0		
BLACK 夏锦南				FED		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bf5	Rcd8	41	Kf3	f5
2	Nf3	d6	22	Rfd2	Rdb6	42	ke3	ke7
3	d4	cd	23	Rb1	Bc3	43	kd4	kd7
4	Nd4	Nf6	24	Rd3	b4	44	kd5	g5
5	Nc3	a6	25	Rbd4	g6	45	h4	g6
6	f4	e5	26	Bg4	Rfd8	46	g6	f4
7	Nb3	Nbd7	27	Be2	e4	47	ke4	Kc6
8	Bd3	Be7	28	Re3	Be5	48	Na5	Ba5
9	0-0	0-0	29	Nc5	Nd5	49	Kf4	Bd8
10	Be3	b5	30	Re4	Nc3	50	h5	h6
11	a3	Bb7	31	Rd6	Bd6	51	ke4	Kc5
12	h3	Rc8	32	Nb7	Ne4	52	kd3	Bg5
13	ae2	Nb6	33	Nd8	Bc5	53	ke2	Kc4
14	fe	de	34	Kh2	a5	54	ke1	Kc3
15	Rad1	ae7	35	Bf3	Nc3	55	kd1	Nb2
16	Bb6	ab6	36	Bc6	Bb6	56	ke2	Kc2
17	af2	af2	37	Nb7	a4	57	Kf3	Nd3
18	Rf2	Ba3	38	Ba4	Na4	58	kg2	b3
19	Nd5	Bd5	39	g3	Bc7	59	Kf3	b2
20	ed	Bb2	40	kg2	Kf8	60	ke2	
SIGNATURE (WHITE) Yin Zhi Jun			SIGNATURE (BLACK) Xia, Jin nan			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.17

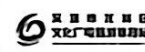
Group
B14

Round
1

Board
20

WHITE Nguyen Vu Bao Lam				FED VIE		RESULT (W) 1		
BLACK Chen Pan Yu				FED CHN		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re5	Nc2	41	h3	Rf6
2	Nf3	Nc6	22	Rc1	Rd2	42	g4	h9
3	Bb5	e6	23	g4	Nh4	43	h9	Rg6
4	O-O	Nge7	24	Bg7	Nec6	44	Ra6	Kc7
5	Re1	Qb6	25	Rb1	Ne2	45	g5	Kb7
6	Rf1	d5	26	Ba2	Rd2	46	Rd6	Kc7
7	ed	Nd5	27	Ba3	Re4	47	Ke5	Rg7
8	d4	Re7	28	b3	b5	48	Rd3	Rh7
9	d6	Re5	29	cb	ab	49	Rf6	Rh4
10	c4	Nf6	30	R3	Kc7	50	Kf7	Rf4
11	Qd8	Nd8	31	Qf1	Kb6	51	Ke6	Rg4
12	Nc3	Qd7	32	Rd1	Na5	52	Kf5	Rg1
13	Ne5	Nc6	33	Qa5	Ka5	53	g6	Rf1
14	Nh7	Nh7	34	Rd7	Rf4	54	Ke6	Re1
15	Ne4	Ba7	35	Ke2	Kb6	55	Rf7	Rf1
16	Rd1	O-O-O	36	Ke7	Rf6	56	Kf8	Rj1
17	Nd6	Rd6	37	f4	Kb6	57	g7	Rj2
18	Rd6	Ne5	38	Ra7	h5	58	Rf3	Re2
19	Rd8	Rd8	39	g3	Rf5	59	Kf8	Ke7
20	Re3	Nh4	40	Ke4	Kb6	60	g8=Q	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B14

Round
1

Board
20

WHITE Nguyen Vu Bao Lam			FED VIE			RESULT (W) 1		
BLACK Chen Pan Yu			FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4 1:25	c5 1:30	21	Bc5 56	Nc2	41	h3 24	Rf6 32
2	Nf3 1:25	Nc6 1:31	22	Rc1 1:25 Nc2 48	Rd2 1:4	42	g4 27	h9 32
3	Bb5 1:26	e6 1:31	23	Bf8 50	Nd4 1:05 H0	43	h9 23	Rg6 31
4	O-O 1:25	Nge7 1:32	24	Bg7 47	Nc6 1:09	44	Ra6	Kc7
5	Re1 1:25	Qb6 1:32	25	Rb1 45	Ne2 31 G1	45	g5	Kb7
6	Rf1 1:26	d5 1:31	26	Ba2 43	Rd2 61	46	Rd6	Kc7
7	exd5 1:22	Nd5 31	27	Ba3 42	Re4 53	47	Lc5	Rg7
8	c4 1:21	Re7 1:30	28	b3 41	b5 53	48	Rd3	Rh7
9	dxc5 1:18	Bxc5 1:30	29	cb 58	ab 53	49	Rf6	Rh4
10	c4 1:18	Nf6 20	30	a3 36	Kc7 44	50	Rf7	Rf4
11	Qd8 1:18	Nd8 1:29	31	Kf1 36	Kb6 44	51	Kc6	Rq4
12	Nc3 1:18	Bd7 1:28	32	Rd1 35	Na5 37	52	Rf5	Ra1
13	Ne5 1:15	Nc6 1:25	33	Ba5 31	Ka5 38	53	g6	Rf1
14	Nd7 1:14	Nd7 1:24	34	Rd7 31	Rf4 36	54	Kc6	Re1
15	Ne4 1:13	Re7 1:24	35	Kc2 31	Kb6 36	55	Rf7	Rf1
16	Rd1 1:11	O-O-O 1:18	36	Kc3	Rf6	56	Kq8	Rq1
17	Nd6 1:09	Rd6 1:19	37	f4	Kc6	57	g7	Rq2
18	Rd6 1:09	Ne5 1:19 7-9	38	Ra7 29	h5 38	58	Rh3	Kd7
19	Rd8 1:05	Rd8 1:11	39	g3	Rf5	59	Kh8	Ke7
20	Re3	Nb4 1:16	40	Kc4	Kd6	60	g8 = Q	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

12-23

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17/5/2026

Group	U-19
Round	1st
Board	21

WHITE		Gafurov Nazan		FED	TAJ	RESULT (W)	RESULT (D)	
BLACK		Ausaf Choyabun		FED	BAN	RESULT (W)	RESULT (D)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rh6	Rg8	41		
2	Nf3	e6	22	e9	d9	42		
3	e3	c5	23	g9	Bxg3	43		
4	Bd3	h6	24	h7	Rg5	44		
5	o3	B d5	25	Nc9	Qf5	45		
6	Nld2	Bd6	26	Nxe5	Bxd3	46		
7	b3	O-O	27	Nxd3	Qe2	47		
8	Bb2	Re8	28	Kd2	Qa1	48		
9	Nes	h1	29			49		
10	dxc5	fxe5	30			50		
11	Nxc6	fxe6	31			51		
12	Bxf6	gxf6	32			52		
13	g4	xf8	33			53		
14	Th4	Te3	34			54		
15	Ke2	Bd7	35			55		
16	Kxh7	Ke2	36			56		
17	Th7	e5	37			57		
18	f3	Rh8	38			58		
19	Qf2	Rxh2	39			59		
20	Rxh2	Qx1	40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
								

12-23

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group	B14
Round	1
Board	21

WHITE		Gafurov, V		FED	BAN		RESULT (W)	1/2
BLACK		Ausaf, C		FED	BAN		RESULT (D)	1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rh6	Rg8	41		
2	Nf3	e6	22	e4	e5	42		
3	e3	c5	23	g4	Ba3	43		
4	Bd3	Nc6	24	Qh4	Rg5	44		
5	d3	d5	25	Nc4	Bb5	45		
6	Nb2	Bd6	26	Nc5	Bd3	46		
7	b6	O-O	27	Nd3	Qe3	47		
8	Bb2	BRe8	28	Kt1		48		
9	Nc5	Qb6	29			49		
10	dC	Qc5	30			50		
11	Nc6	Qc6	31			51		
12	Bf6	gf	32			52		
13	Qg4	Kg8	33			53		
14	Qh4	Ke2Qc3	34			54		
15	Bt1ke2	Bd7	35			55		
16	Qh4	Ke4	36			56		
17	Qh4	f5	37			57		
18	f3	Rh8	38			58		
19	Qf2	Rh2	39			59		
20	Rh4	Qa1	40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
		Ausaf		Gafurov				

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	B14
Round	1
Board	22
Date	



WHITE		Starikov		FED		RESULT (V)	
BLACK		Wu		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e5	21			41	
2	Kf3	Kf6	22			42	
3	Ke5	d6	23			43	
4	Kf3	Ke4	24			44	
5	c4	d5	25			45	
6	Kc3	Kf6	26			46	
7	d4	ce4	27			47	
8	Cd3	O-O	28			48	
9	O-O	C6	29			49	
10	C5	B6	30			50	
11	B4	A5	31			51	
12	Ka4	Kb7	32			52	
13	Cd2	AB	33			53	
14	Cb4	Bc	34			54	
15	Jc	CA6	35			55	
16	CA6	AA6	36			56	
17	Kd4	Ke4	37			57	
18	Kc5	Cf6	38			58	
19	AB1	Qb6	39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Starikov		Wu					

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	B14
Round	1
Board	22
Date	



WHITE		Starikov		FED		RESULT (V)	
BLACK		Zhenmen		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	e5	21			41	
2	Nf3	Nf6	22			42	
3	Nxe5	d6	23			43	
4	Nf3	Nxe4	24			44	
5	c4	d5	25			45	
6	Nc3	Nf6	26			46	
7	d4	Be7	27			47	
8	Bd3	O-O	28			48	
9	O-O	C6	29			49	
10	Cd2	b6	30			50	
11	b4	a5	31			51	
12	Nc4	Nd7	32			52	
13	Bd2	ab	33			53	
14	Bxb4	bc	34			54	
15	d4	Ba6	35			55	
16	Bxa6	Rxa6	36			56	
17	Nd4	Ne4	37			57	
18	Nf5	Bd6	38			58	
19	Rb1	g6	39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Starikov		Zhenmen					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17/17/2026

WHITE		Ho Rui Jie Jonathan		FED	SGP	RESULT (V)
BLACK		Nguyen Le Nguyen		FED	VIE	RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 f30	c5 f30	21	Qb2 f8	Qb6 f30	41	Kh3 f1	Nc1 f29
2	Nf3 f31	d6 f30	22	Qa8 f4	Qa8 f30	42		
3	Bb5 f31	Nf7 f30	23	Nd2 f0	Qa6 f30	43		
4	O-b f31	Nf4 f30	24	f4 f7	Qa2 f30	44		
5	Re1 f30	a6 f30	25	Qb6 f7	Qb6 f30	45		
6	Bf1 f30	b5 f30	26	Rb2 f8	f5 f30	46		
7	b3 f30	Bb7 f30	27	Kf3 f4	Kf6 f30	47		
8	d3 f30	g1 f30	28	Nf4 f3	Nb8 f30	48		
9	Bb2 f30	Bg7 f30	29	Nc3 f3	Nc6 f30	49		
10	c4 f30	b4 f30	30	Nc2 f1	g5 f30	50		
11	Nb2 f30	O-O f30	31	f4 f3	gh f30	51		
12	g3 f30	Ne4 f30	32	gh f4	gh f30	52		
13	Bg7 f30	Nd2 f30	33	gh f4	Rf7 f30	53		
14	Qd2 f30	Kg7 f30	34	Kg3 f4	f4 f30	54		
15	Bg2 f30	e6 f30	35	Kb3 f3	Rg8 f30	55		
16	Ng5 f30	Bg2 f30	36	Nel f3	Rg3 f30	56		
17	Kg2 f30	h6 f30	37	Kh2 f3	Nd4 f30	57		
18	Nf3 f30	e5 f30	38	Rg8 f3	Re3 f30	58		
19	a3 f30	a5 f30	39	Rf1 f3	Re1 f30	59		
20	a6 f30	a6 f30	40	Re1 f3	Nf3 f30	60		

SIGNATURE (WHITE) Jon
SIGNATURE (BLACK) Nf3 f30

SIGNATURE (ARBITER) d30

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

WHITE		Ho Rui Jie Jonathan		FED	SGP	RESULT (V)
BLACK		Nguyen Le Nguyen		FED	VIE	RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 f30	c5 f30	21	Qb2 f8	Qb6 f30	41	Kh2 f3	Ne1 f3
2	Nf3 f30	d6 f30	22	Rb8 f4	Rb8 f30	42		
3	Bb5 f30	Nd7 f30	23	Nd2 f0	Qa6 f30	43		
4	O-O f30	Ng6 f30	24	f4 f7	Qa2 f30	44		
5	Re1 f30	a6 f30	25	Rb1 f7	Qb2 f30	45		
6	Bf1 f30	b5 f30	26	Qb2 f8	f5 f30	46		
7	b3 f30	Bb7 f30	27	Kf3 f4	Kf6 f30	47		
8	d3 f30	g6 f30	28	Nf1 f3	Nb8 f30	48		
9	Bb2 f30	Bg7 f30	29	Ne3 f3	Nc6 f30	49		
10	c4 f30	b4 f30	30	Nc2 f1	g5 f30	50		
11	Nb2 f30	O-O f30	31	f4 f3	gh f30	51		
12	g3 f30	Ne4 f30	32	gh f4	gh f30	52		
13	Bg7 f30	Nd2 f30	33	gh f4	Rf7 f30	53		
14	Qd2 f30	Kg7 f30	34	Kg3 f4	f4 f30	54		
15	Bg2 f30	e6 f30	35	Kb3 f3	Rg8 f30	55		
16	Ng5 f30	Bg2 f30	36	Nel f3	Rg3 f30	56		
17	Kg2 f30	h6 f30	37	Kh2 f3	Nd4 f30	57		
18	Nf3 f30	e5 f30	38	Rg8 f3	Re3 f30	58		
19	a3 f30	a5 f30	39	Rf1 f3	Re1 f30	59		
20	a6 f30	a6 f30	40	Re1 f3	Nf3 f30	60		

SIGNATURE (WHITE) Jon
SIGNATURE (BLACK) Nf3 f30

SIGNATURE (ARBITER) d30

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.14.7

Group
B14

Round
1

Board
24

WHITE Zhou, Weifan				FED CHN		RESULT (W) 1		
BLACK Bhandari, Aayush				FED NEP		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	e4	Na4	41	Kc2	Re1
2	c4	e6	22	Re1	h6	42	Bc5	Kf7
3	g3	bb	23	Kf1	Rc7	43	Ra8	Bc7
4	Bg2	Bb7	24	Re2	Rdd	44	d8=Q	Bd8
5	o-o	Be7	25	Be3	Rc2	45	Rd8	Rh1
6	d4	o-o	26	Rc2	Rc2	46	Bb4	Rh3
7	Nc3	d5	27	Bb3	Rb2	47	Be1	h5
8	Ne5	Nbd7	28	Rd1	Nc3	48	Rd5	Kg6
9	Ra4	c5	29	Rd7	Na2	49	Rd6	Kf5
10	Nd1	Qd7	30	Bf7	Kf8	50	Pc3	g4
11	Qd1	Nd7	31	Bd5	Be7	51	Rfb	Kg5
12	dc	Nc5	32	Ra7	Rb1	52	f4#	
13	cd	ed	33	Kf2	Rb2	53		
14	Nd5	Bd5	34	Kf1	Rb1	54		
15	Bd5	Rd8	35	Ke2	Nc3	55		
16	Rd1	Bf6	36	Kd3	Nd5	56		
17	Rb1	Rfe8	37	ed	b5	57		
18	e3	Re7	38	Rab	b4	58		
19	f3	g5	39	db	Bf6	59		
20	h3	Red	40	d1	Bd8	60		
SIGNATURE (WHITE) Zhou, Weifan				SIGNATURE (BLACK) Aayush Bhandari		SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.14.7

Group
B14

Round
1

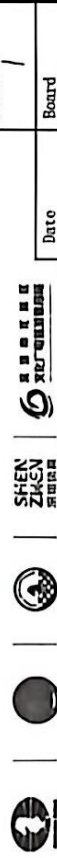
Board
24

WHITE Zhou, Weifan				FED CHN		RESULT (W) 1		
BLACK Aayush Bhandari				FED NEP		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	e4	Na4	41	Kc2	Re1
2	c4	e6	22	h6	Kf1	42	Bc5	Kf7
3	g3	g6	23	Rc7	Rc7	43	Ra8	Bd8
4	Bg2	Bb7	24	Re2	Rd8	44	Bxd8	Rxd2
5	o-o	be7	25	be3	Rf7	45	Rh1	Rh
6	o-o	d5	26	Rxe7	Rxc7	46	bc7	Rxh1
7	Ne5	Ntd7	27	bb3	Rxb2	47	Bd1	Rd5
8	Qd4	c5	28	Rd1	Nc3	48	Rd5	kg6
9	Nxd7	Qxd7	29	Rd7	Nxa2	49	Rd6	Kf5
10	Nxd7	Oxd7	30	Bxf7	Kf8	50	Bg6	
11	Oxd7	Nxd7	31	Bd5	Be7	51		
12	dxc5	Nx05	32	Rxa7	Rb1	52		
13	Cxd5	exd5	33	Rh2	Kf1	53		
14	Nxd5	bxd5	34	Nc3	Kd3	54		
15	Rd8	Rd1	35	Nxc5	Oxd5	55		
16	Rd1	Bf6	36	b5	Ra6	56		
17	Rb1	Re8	37	b4	Bf6	57		
18	e3	Rd7	38	d7	Bd8	58		
19	f3	g5	39	Re8	Bf5	59		
20	h3	Red	40	Bf3	Bf8	60		
SIGNATURE (WHITE) Zhou, Weifan				SIGNATURE (BLACK) Aayush Bhandari		SIGNATURE (ARBITER) [Signature]		

1/42

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/14

WHITE		Lin Hsin Peng		FED	TPE	RESULT (W)
BLACK		Mai Duc Kien		FED	VIE	RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Wf6	21	h4	Bc5
2	c4	g6	22	Nb5	Rg8
3	g3	Bg7	23	Kg2	Qd8 Rf8
4	Bg2	0-0	24	Qd8 Qd8	Qd8 Qd8
5	0-0	d5	25	Kg2 Kf3	Bf5
6	CXd5	NXd5	26	Rab1	Rag
7	d4	Wc6	27	a3	e5
8	e4	Nb6	28	Re1	Rd8
9	d5	Wd3	29	a4	Ne7
10	Wc3	Cb6	30	Ree1	Wag
11	dx6	Nxc6	31	Rc2	Rd5
12	Ge2	Bg4	32	Kf3	Rxa4
13	Be3	Qc8	33	Re1	Wc1
14	Bxb6	axb6	34		
15	Wd5	Qd8	35		
16	Qe3	e6	36		
17	Wc3	Bxf3	37		
18	Bxf3	Bd4	38		
19	Ge2	a5	39		
20	Rfe1	h5	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Lin Hsin Peng		Uen

1/42

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



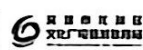
Date 7/16/26

WHITE		Lin Hsin Peng		FED	TPE	RESULT (W)
BLACK		Mai Duc Kien		FED	VIE	RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Wf6	21	h4	C5	41		
2	c4	g6	22	Nb5	c1	42		
3	g3	Wg7	23	Kg2	c0	43		
4	Bg2	0-0	24	Qb5	15	44		
5	0-0	g1	25	Kf3	15	45		
6	Cd4	g3	26	Kg2	15	46		
7	d4	Wc6	27	Rab1	17	47		
8	e4	Wb6	28	a3	17	48		
9	d5	Wd3	29	Re1	15	49		
10	Nc3	75	30	a4	15	50		
11	d4	Wc6	31	Rcc1	14	51		
12	Qe2	5	32	Rc2	12	52		
13	Be3	54	33	Kf3	11	53		
14	Bb6	50	34	Re1	11	54		
15	Nd5	46	35			55		
16	Qc3	33	36			56		
17	Nc3	32	37			57		
18	Bf3	31	38			58		
19	Qe2	30	39			59		
20	Rc1	29	40			60		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Lin Hsin Peng		chen

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17th July

Group U14.4
Round 1

Board 26

WHITE Le Anh Tu				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Nguyen Van Nhat Linh				FED VIE				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nxg7	Bxc6	41					
2	Nf3	e6	22	exd6	Qc8	42					
3	B3	Nc6	23	Nxh6	gxf6	43					
4	Bb2	Nf6	24	Qg4	Kf7	44					
5	e5	Nd5	25	Qxh4	Kg8	45					
6	g3	Bc7	26	Qg6		46					
7	Bg2	a6	27			47					
8	O-O	b5	28			48					
9	c4	Nb6	29			49					
10	cl3	Bb7	30			50					
11	Nc3	bxc4	31			51					
12	axd4	Nc7	32			52					
13	Ne4	O-O	33			53					
14	Qd2	a5	34			54					
15	Qf4	Rf8	35			55					
16	Raet	a4	36			56					
17	Nf5	Nd6	37			57					
18	Nb6	cxb3	38			58					
19	axb3	Ra2	39			59					
20	Bc3	h6	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



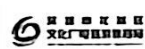
Date 17th July

Group U14.4
Round 1

Board 26

WHITE Li Anh Tu				FED 1951				RESULT (W) 1			
BLACK Nguyen Van Nhat Linh				FED 1559				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf7	Jd6	41					
2	Nf3	e6	22	ed.	Qc8	42					
3	B3	Nc6	23	Nh6	gh	43					
4	Bb2	Nf6	24	Qg4	Kf7	44					
5	e5	Nd5	25	Qh5	vg5	45					
6	g3	Jc7	26	Qg6		46					
7	Tg2	ab	27			47					
8	O-O	b5	28			48					
9	c4	Nb6	29			49					
10	ds.	Tb7	30			50					
11	Nc3	bc	31			51					
12	Qc	Qc7	32			52					
13	Nu.	O-O	33			53					
14	Qd2	a5	34			54					
15	Qf4	Rd8	35			55					
16	Rd1	a4	36			56					
17	Ng5	Rf8	37			57					
18	Nd6	ab	38			58					
19	ab	Ra2	39			59					
20	bc	hb	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								chen			

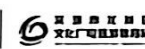
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.17 Board 27

WHITE						FED		RESULT (W)	
Wong, Ming Wei Benjamin						SGP		0	
BLACK						FED		RESULT (B)	
Wang, Zekai						CHN		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Nf3	c5	21	f6	Bg7	41	Ra7	1f3	
2	b3	Nc6	22	b5	Rb7	42	Rb7	Rb7	
3	Bb2	Nf6	23	Qd1	Qd7	43	h4	f5	
4	e3	g6	24	Nd4	Bd4	44	Rc7	kf8	
5	0-0	Bg7	25	Qd1	Qe6	45			
6	Bd2	0-0	26	Qd1	Rd7	46			
7	0-0	b6	27	Qe3	f6	47			
8	d4	cd4	28	f5	Qf7	48			
9	Nd4	Nd4	29	fg6	hg6	49			
10	Bd4	0b6	30	Rc1	Rd4	50			
11	Bf3	Rb8	31	et	det	51			
12	Nd2	Bf1	32	Rd1	Rc1	52			
13	0-0	Bc8	33	Rd1	Rf1	53			
14	b4	Nd7	34	kf7	Rc1	54			
15	Nb3	Ne5	35	lcf2	hg7	55			
16	Qe2	Be6	36	Rd7	Qa2	56			
17	Be1	Be1	37	hg3	Re1	57			
18	Rac1	Qe7	38	Qe3	Qe6	58			
19	Bg4	Bg4	39	Qd4	Qe1	59			
20	Qd4	Bc8	40	Qe1	Re1	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
uc			Wang, Zekai			men			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17/7/26 Board 27

WHITE Benjamin Wong						FED SGP		RESULT (W) 0	
BLACK Wang Zekai						FED CHN		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Nf3	c5	21	f4	Bg7	41	Rxa7	kf7	
2	b3	Nc6	22	b5	Rb7	42	Rb7	Rxb5	
3	Bb2	Nf6	23	Qd1	Qd7	43	h4	f5	
4	e3	g6	24	Nd4 Nd4	Bxd4	44	Rc7	kf8	
5	c4	Bb7	25	Qxd4	Qe6	45			
6	Bd2	O-O	26	Qd5	Rp7	46			
7	O-O	b6	27	Qd3	f6	47			
8	d4	cxd4	28	f5	Qc7	48			
9	Nxd4	Nxd4	29	fxg6	hxg6	49			
10	Bxd4	d6 d6	30	Rc1 Rcl	Rxc4	50			
11	Bf3	Rb8	31	d5	dxes	51			
12	Nbd2	Bf5	32	Rxe5	Rc1	52			
13	e4	Bf8	33	Re5	Rxf1+	53			
14	b4	Nd7	34	kxf1	Rc1+	54			
15	Nb3	Nd5 Ne5	35	kP2	kg7	55			
16	Qe2	Be6	36	Re7	Qxa7+	56			
17	Bxe4	Bxe4	37	kg3	kd8	57			
18	Rac1	Qc7	38	Qc3	Qd6	58			
19	Bg4	Bxb4	39	Qe4	Qe5 Ge5+	59			
20	Qxb4	Rfc8	40	Qxe5	Rxe5	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Ww			Wang Zekai			Men			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		Nanayakkara Sanuk		FED	RESULT (W)
BLACK		曹瑞阳		FED	RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	f4	Re8
2	g3	d5	22	fc	Re6
3	Bd2	c6	23	Qd4	Qc2
4	Qd1	Bd7	24	Bh3	Rg6
5	Nb3	Nb7	25	h2f5	Rd7
6	Nd4	e5	26	h6	Rg6
7	e4	de	27	Rf4	
8	de	h5	28		
9	Qd2	Qd1	29		
10	Nd4	Re8	30		
11	h3	Bf3	31		
12	Qd3	Qc7	32		
13	Kh1	Nb6	33		
14	Ne3	Qd7	34		
15	Nf5	Re6	35		
16	h4	Qd4	36		
17	Nd7	Rd7	37		
18	Bh3	Kd8	38		
19	Bf6	Bf8	39		
20	Bf8	Rf8	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Sanuk	曹瑞阳	nan

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		Nanayakkara Sanuk		FED	RESULT (W)
BLACK		Cao, Jing Yang		FED	RESULT (B)

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3 (78)	Nf6	21	f4 (44)	Rd8
2	g3 (78)	d5	22	fxc5 (37)	Re6
3	Bg2 (78)	c6	23	Qf4 (35)	Qxc2
4	O-O (78)	Bg4	24	Bh3 (35)	Rg6
5	d3 (78)	Nbd7	25	h5 (35)	Rg7
6	Nbd2 (71)	e5	26	h6 (36)	Rg6
7	e4 (71)	dxex	27	Bf5	
8	dxex (71)	Bc5	28		
9	Qc2 (61)	O-O	29		
10	Nc4 (64)	Re8	30		
11	Re8 h3 (61)	Bxf3	31		
12	Qxf3 (62)	Qc7	32		
13	Kh1 (60)	Nb6	33		
14	Ne3 (58)	Qd7	34		
15	Nf5 (55)	Qe6	35		
16	h4 (51)	Qc4	36		
17	Nxg7 (49)	Kxg7	37		
18	Bh6+ (50)	kg8	38		
19	Qxf6 (50)	Bf8	39		
20	Bxf8 (45)	Rxf8	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
Sanuk	曹瑞阳	nan

11/12

Group	U14 O
Round	O1
Date	2026/07/17
Board	28

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳

Date: 12.07

Group: B44

Round: 1

Board: 29

WHITE	Jumadurov, Y. Ibrayev	FED	TJK	RESULT (W)	0
BLACK	Isakov, Amir	FED	KGZ	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21		
2	d5	e6	22		
3	d4	ed	23		
4	d4	d6	24		
5	d5	d6	25		
6	ed	ed	26		
7	ed	ed	27		
8	ed	ed	28		
9	ed	ed	29		
10	ed	ed	30		
11	ed	ed	31		
12	ed	ed	32		
13	ed	ed	33		
14	ed	ed	34		
15	ed	ed	35		
16	ed	ed	36		
17	ed	ed	37		
18	ed	ed	38		
19	ed	ed	39		
20	ed	ed	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHEN ZHEN
深圳

Date: 12.07

Group: B44

Round: 1

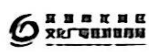
Board: 19

WHITE	Jumadurov, Y. Ibrayev	FED	TJK	RESULT (W)	0
BLACK	Isakov, Amir	FED	KGZ	RESULT (B)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21		
2	d5	e6	22		
3	d4	ed	23		
4	d4	d6	24		
5	d5	d6	25		
6	ed	ed	26		
7	ed	ed	27		
8	ed	ed	28		
9	ed	ed	29		
10	ed	ed	30		
11	ed	ed	31		
12	ed	ed	32		
13	ed	ed	33		
14	ed	ed	34		
15	ed	ed	35		
16	ed	ed	36		
17	ed	ed	37		
18	ed	ed	38		
19	ed	ed	39		
20	ed	ed	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

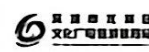


Date
1

Group
Boys 4/4
Round
7
Board
30

WHITE Berdashnerich Manar						FED Russia		RESULT (W) 1	
BLACK Zhang Jiachen (GD)						FED China		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	Qc5	Ka8	41			
2	d4	d5	22	Ba6	ba	42			
3	Nc3	Bb4	23	Ra6	1b8	43			
4	e5	c5	24	Rd4	Pc7	44			
5	Bd2	Bc5	25	Rb4	Kc8	45			
6	Bc3	cd	26	Qa5	Ka5	46			
7	Bd4	Ne7	27	Rb8		47			
8	Qd2	Nb6	28			48			
9	Nf3	Nd4	29			49			
10	Nd4	a6	30			50			
11	f4	Nc6	31			51			
12	O-O-O	Nd4	32			52			
13	Qd4	Bd7	33			53			
14	Be2	Bc6	34			54			
15	g4	Qd7	35			55			
16	h4	O-O-O	36			56			
17	Rh3	Kb8	37			57			
18	Rb3	Ka8	38			58			
19	Rb6	Rc8	39			59			
20	Qb4	Ka7	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.

Group
U14
Round
1
Board
30

WHITE Berdashnerich, maker						FED RUS		RESULT (W) 1	
BLACK Zhang Jiachen						FED CHN		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	Qc5	Ka8	41			
2	d4	d5	22	Ba6	ba	42			
3	Nc3	Bb4	23	Ra6	Kb8	43			
4	e5	c5	24	Rd4	Rc7	44			
5	Bd2	Bc3	25	Rb4	Kc8	45			
6	Bc3	cd	26	Qa5	Ka8	46			
7	Bd4	Ne7	27	Rb8		47			
8	Qd2	Nb6	28			48			
9	Nf3	Nd4	29			49			
10	Nd4	a6	30			50			
11	f4	Nc6	31			51			
12	O-O-O	Nd4	32			52			
13	Qd4	Bd7	33			53			
14	Be2	Bc6	34			54			
15	g4	Qd7	35			55			
16	h4	O-O-O	36			56			
17	Rh3	Kb8	37			57			
18	Rb3	Ka8	38			58			
19	Rb6	Rc8	39			59			
20	Qb4	Ka7	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
			Zhang Jiachen						

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



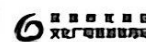
Date 2026.7.17

Group
B14
Round
1

Board
31

WHITE 赵旭				FED				RESULT (W) 0			
BLACK 陈晨				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	b4	Qa6	41	f4	Ne3			
2	d4	d5	22	a4	Qc4	42					
3	Nc3	de	23	Rb1	Bf6	43					
4	Nxe4	Bf5	24	Rd1	Bxd4	44					
5	Ng3	Bg6	25	Nxd4	Rxd4	45					
6	Nf3	Nd7	26	Rxd4	Qxd4	46					
7	Bd3	e6	27	Ne2	Qd7	47					
8	0-0	Qc7	28	Rd1	Qc7	48					
9	Ne2	Bd6	29	Nd9	Rd8	49					
10	c4	Bxd3	30	cb	Qxb6	50					
11	Qxd3	Nf6	31	Qc4	e5	51					
12	c5	Be7	32	a5	Qb7	52					
13	Bf4	Qc8	33	Rc1	ed	53					
14	Nc3	0-0	34	Qxc6	Qxc6	54					
15	Nf5	Rd8	35	Rxc6	d3	55					
16	Qc2	Nf8	36	Rc1	d2	56					
17	Rad1	Nf6	37	Rd1	Ne5	57					
18	Bg3	Nh5	38	Kf1	Nc4	58					
19	Nf3	Nxg3	39	Ke2	Re8	59					
20	h9	b6	40	Kf1	a6	60					
SIGNATURE (WHITE) 赵旭				SIGNATURE (BLACK) 陈晨				SIGNATURE (ARBITER) chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
Round
1

Board
31

WHITE 赵旭				FED				RESULT (W) 0			
BLACK 陈晨				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	b4	Qa6	41	f4				
2	d4	d5	22	a4	Qc4	42					
3	nc3	des	23	Rb1	Bf6	43					
4	ves	Bf4	24	Rfcl	Bcl	44					
5	ng3	Bg6	25	nd4	Rd4	45					
6	nf3	nd7	26	Rd4	Bd4	46					
7	Bd3	e6	27	Ne2	Qd7	47					
8	0-0	ac7	28	Rd1	Qc7	48					
9	Ne2	Bd6	29	Nd4	Rd8	49					
10	c4	Bd3	30	cb	Qxb6	50					
11	Qd3	Nf6	31	Qc4	e5	51					
12	c5	Be7	32	a5	Qb7	52					
13	Bf4	Qc8	33	Rc1	ed4	53					
14	nc3	0-0	34	Qc6	Qc6	54					
15	Ng5	Re8	35	Rc6	d3	55					
16	Qc2	Nf8	36	Rc1	d2	56					
17	Rad1	Nf6	37	Rd1	Ne5	57					
18	Bg3	Nh5	38	Kf1	Nc4	58					
19	Nf3	Nxg3	39	Ke2	Re8	59					
20	h9	b6	40	Kf1	a6	60					
SIGNATURE (WHITE) 赵旭				SIGNATURE (BLACK) 陈晨				SIGNATURE (ARBITER) Nen Nen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	B-14
Round	1
Date	17/6/26
Board	32

WHITE		L1, Yan		CHN		RESULT (W)		
BLACK		Paolo Kelmendi		SGP		RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Pg6	hxg6	41	a7	c3
2	c4	c5	22	h4	Bb6	42	a7	c2
3	d5	b5	23	Bc7	Nxh4	43	ac3	c1-c0
4	Nd2	bxc4	24	h4	Bxc4	44	axc1	Oag7
5	c4	d6	25	Oxc4	Qg7	45	Kh4	Qf3
6	Bxc4	g6	26	Qc2	Oa6	46	h4	Oac4
7	Nf3	Bg7	27	Rf1	e4	47	e4	Qd3
8	O-O	O-O	28	Bxf1	Qf9	48	h2	Qd4
9	Rb1	Nbd7	29	Bxf1	exf4	49	Bd3	Qd4
10	b3	Ng4	30	Bd2	a4	50	e1	Oc4
11	Bb2	Nge5	31	bxc4	h2	51	h2	Oa4
12	Nf5	Nd5	32	Qf2	g5	52	Kd1	Qd4
13	Bc2	Oc7	33	g5	Oc8	53	Kd2	Oa4
14	P4	Nd7	34	O4	Oa7	54	e4	Oa3
15	Bxg7	Kc9	35	a4	Qb1	55	Kd2	Oa3
16	Oc3	Q5	36	Rf1	Qb7	56	Kf3	Qd5
17	Bf3	Nb6	37	e3	g4	57	h3	Qg8
18	Rf1	e6	38	h3	Qd7	58	Kh4	Qc1
19	dxc6	fxc6	39	Qf1	Qd2	59	h3	Qa3
20	P5	c5	40	Kc9	Q4	60	e4	Oa4
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
[Signature]		[Signature]		[Signature]				

SIGNATURE (WHITE) *Li Yan* SIGNATURE (BLACK) *Paolo* SIGNATURE (WHITE) *Paolo* SIGNATURE (BLACK) *Paolo*

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group	B14
Round	1
Date	20/6/26
Board	32

WHITE		BLACK		RESULT (P)	
BLACK		WHITE		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	h3	c3
2	c4	c5	22	Nc4	c2
3	d5	b5	23	Bc2	c1-c0
4	Nd2	b6	24	Bc4	Bg2
5	e4	d6	25	Bc4	Qf3
6	Bc4	g6	26	Qc2	Bc4
7	Nf3	Bg7	27	Rf1	Qd3
8	O-O	O-O	28	Rf1	Qd4
9	Rd1	Nbd7	29	Rf8	Qf4
10	b3	Nf8	30	Qd2	Qc4
11	Bd2	Nbd5	31	h3	Qd4
12	Nf5	Nb5	32	Qc2	Qd4
13	Bc2	Bc7	33	Q5	Qd4
14	K4	Nd7	34	Qc4	Qd4
15	Bg7	Kg7	35	Qb6	Qd4
16	Qc2	Q5	36	Kf2	Qd4
17	Qf3	Nb6	37	Kf3	Qd4
18	Rf1	Qb6	38	h3	Qd4
19	d4	h3	39	Qf1	Qd4
20	f5	Q5	40	Kd4	Qd4

SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
[Signature]		[Signature]		[Signature]	

SIGNATURE (WHITE) *Li Yan* SIGNATURE (BLACK) *Paolo* SIGNATURE (WHITE) *Paolo* SIGNATURE (BLACK) *Paolo*

Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	
Date		Boards		Result (P)		Result (B)		Boards	

SIGNATURE (WHITE) *Li Yan* SIGNATURE (BLACK) *Paolo* SIGNATURE (WHITE) *Paolo* SIGNATURE (BLACK) *Paolo*

Group	B14
Round	1
Date	20/6/26
Board	32

WHITE		BLACK		RESULT (W)		RESULT (B)	
Li Yan		Pablo Keimendi		RED		BLACK	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	BLACK
1	Kg3	Og6+	21			41	
2	Kh4	Ox7+	22			42	
3	Kg4	F6	23			43	
4	Qx8	Ox6+	24			44	
5	Og8		25			45	
6			26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (CAPTION)		
李彦			Pablo		Pablo Keimendi		

SIGNATURE (WHITE) *Li Yan* SIGNATURE (BLACK) *Paolo* SIGNATURE (WHITE) *Paolo* SIGNATURE (BLACK) *Paolo*

Group	B14
Round	1
Date	20/6/26
Board	32

WHITE		BLACK		RESULT (W)		RESULT (B)	
Li Yan		Pablo Keimendi		RED		BLACK	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	BLACK
1	Kg3	Og6+	21			41	
2	Kh4	Ox7+	22			42	
3	Kg4	F6	23			43	
4	Qx8	Ox6+	24			44	
5	Og8		25			45	
6			26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (CAPTION)		
李彦			Pablo		Pablo Keimendi		

SIGNATURE (WHITE) *Li Yan* SIGNATURE (BLACK) *Paolo* SIGNATURE (WHITE) *Paolo* SIGNATURE (BLACK) *Paolo*

Group	B14
Round	1
Date	20/6/26
Board	32

WHITE		BLACK		RESULT (W)		RESULT (B)	
Li Yan		Pablo Keimendi		RED		BLACK	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	BLACK
1	Kg3	Og6+	21			41	
2	Kh4	Ox7+	22			42	
3	Kg4	F6	23			43	
4	Qx8	Ox6+	24			44	
5	Og8		25			45	
6			26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (CAPTION)		
李彦			Pablo		Pablo Keimendi		

SIGNATURE (WHITE) *Li Yan* SIGNATURE (BLACK) *Paolo* SIGNATURE (WHITE) *Paolo* SIGNATURE (BLACK) *Paolo*

Group	B14
Round	1
Date	20/6/26
Board	32

WHITE		BLACK		RESULT (W)		RESULT (B)	
Li Yan		Pablo Keimendi		RED		BLACK	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	BLACK
1	Kg3	Og6+	21			41	
2	Kh4	Ox7+	22			42	
3	Kg4	F6	23			43	
4	Qx8	Ox6+	24			44	
5	Og8		25			45	
6			26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (CAPTION)		
李彦			Pablo		Pablo Keimendi		

SIGNATURE (WHITE) *Li Yan* SIGNATURE (BLACK) *Paolo* SIGNATURE (WHITE) *Paolo* SIGNATURE (BLACK) *Paolo*

Group	B14
Round	1
Date	20/6/26
Board	32

WHITE		BLACK		RESULT (W)		RESULT (B)	
Li Yan		Pablo Keimendi		WED		WED	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Kg3	Og6+	21			41	
2	Kh4	Qh7	22			42	
3	Kg4	f6	23			43	
4	Qh4	Og6+	24			44	
5			25			45	
6			26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (CAPTION)		
李彦			Pablo		Pablo		

10:36

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 014
Round 1
Board 33

Date 17.07

WHITE		Sergeev		FED RUS		RESULT (W)	
BLACK		Fahg		FED HKG		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	φf2	φa6	41	
2	b4	cb	22	Kd3	Kd3	42	
3	cb2	e6	23	f5	Kc2	43	
4	d4	d5	24	Kf4	K:d1	44	
5	e4	e4	25	f6	d:d1	45	
6	Kf3	Kf6	26	Kpg2	c:f4	46	
7	cd3	ce7	27	φ:f4	φ:p2	47	
8	0-0	0-0	28			48	
9	Kd2	Kc6	29			49	
10	de1	cd4	30			50	
11	h3	cd5	31			51	
12	Kf1	cd6	32			52	
13	g4	cg6	33			53	
14	Ke5	uc8	34			54	
15	f4	c:d3	35			55	
16	φ:d3	Kc4	36			56	
17	Kg3	K:g3	37			57	
18	φ:g3	Kd5	38			58	
19	de2	Kc5	39			59	
20	cc1	φb6	40			60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
g/		B		uon			

10:36

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 414
Round 1
Board 33

Date

WHITE		Sergeev Mikhail		FED		RESULT (W)	
BLACK		Brandon Fang		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	Qtz	Qa6	41	
2	b4	cx64	22	Na3	f5 Na3	42	
3	Bb2	e5	23	Na3	Na3	43	
4	d4	d5	24	Na3	Na3	44	
5	exd5	exd5	25	Na3	Na3	45	
6	Nf3	Nf6	26	cg2	Bx44	46	
7	Bd3	Be7	27	Qx44	Qx24	47	
8	0-0	0-0	28			48	
9	Nbd2	Nc6	29			49	
10	Re1	Bg4	30			50	
11	h3	Bb5	31			51	
12	Nf1	Bd6	32			52	
13	g4	Bg6	33			53	
14	Ne5	fc8	34			54	
15	f4	Bxd3	35			55	
16	Qx43	Ne4	36			56	
17	Ng3	Nxg3	37			57	
18	Bxg3	Na5	38			58	
19	Re2	Nl4	39			59	
20	Bc1	Qb6	40			60	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
g/		R		uon			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11-05

Group										
Brand	(									
Board	}									
Date	7.17									

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		RESULT (W)		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK				
1	e4	c5	21	Nc3	Qb7	41	a1	Ra8							
2	Nf3	Nc6	22	Nac4	Rxc1	42	Kb3	b6							
3	d4	cd	23	Rxc1	Nd7	43	Kb4	f6							
4	Nxe4	e5	24	Nxb6	Bg4	44	b3	Kd7							
5	Nb5	d6	25	Bxc4	h4	45	h4	g2							
6	c4	Be7	26	QxR4	Nxb3	46	gh	gf7							
7	Bd3	Nf6	27	Rc3	Rd7	47	h5	gh							
8	0-0	Be6	28	Qxg3	Kf8	48	Kxh4	Kg7							
9	N3c3	0-0	29	Qxg1	Rxb7	49	h5	Kf7							
10	Nd5	Nb4	30	b3	Kd7	50	h5	Kd7							
11	N1c3	Rc8	31	Kf2	Nd7	51	Kg3	Rg8							
12	Be3	Nc6	32	Rc1	Ra7	52	Kh7	Ra1							
13	Be2	Re8	33	a4	Rb7	53	Kg7	Kd7							
14	f3	h6	34	Bb5	Nc5	54	h7								
15	Qa4	b6	35	Rc6	Ra7	55									
16	Ra4	Qd7	36	b4	Nd7	56									
17	g4 Qd3	Re8	37	Bd7	Kd7	57									
18	Nb4	Bxb5	38	a5	h4	58									
19	cd	Nd5	39	a3	Nxb4	59									
20	R1	a6	40	Ra3	Kb8	60									

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
17.07.25

Group B14

Round 1

Board 35

WHITE				FED. CHN				RESULT. (W) 1			
Xu Kaiwen				FED. KAZ				RESULT. (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	xc5	qf7	41	h6	ag8			
2	cf4	xf6	22	xd7	f5	42	h7	qab			
3	e3	e6	23	qf7	agxf7	43	agb6	vb8			
4	xf3	cd6	24	cg6	xb7	44	ag8	vg8			
5	xe5	0-0	25	b3	xd9	45	agb4g8	fxg8			
6	xbd2	c5	26	ch5	d4	46	h3f4g7	fxg7			
7	c3	xc6	27	xd4	xbd7	47	h03	h86			
8	cd3	qcf7	28	xd7	xd7	48	hdy	h75			
9	xdxf3	xe4	29	xc6	xb7	49	f3	h78			
10	0-0	f6	30	up6	g6	50	hpe5	hpg6			
11	xc6	cf4	31	cf3	cf3	51	hpe6	h76			
12	ef	b1	32	xf3	xd7	52	h75	h75			
13	g3	cd	33	hgo2	a5	53	gv	h76			
14	cd	c5	34	uab	xd5	54	h74	h77			
15	qcf2	qef7	35	ag6	a4	55	g5	h77			
16	dc	xc5	36	ba	vos	56	xd6	h78			
17	ch7	h78	37	hgs	h74	57	h76	h77			
18	h74	qpd6	38	xb6	uab	58	h77	h78			
19	qg6	qcf7	39	h7	xc2	59	h75	h77			
20	xf7	cd6	40	h5	xc8	60	g6	h78			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
17.07.25				17.07.25				17.07.25			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.10

Group B14

Round 1

Board 35

WHITE				FED.				RESULT. (W) 1			
Xu Kaiwen				FED.				RESULT. (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	xc5	qf7	41	h6	ag8			
2	bf4	hf6	22	h7	f5	42	h7	rae			
3	e3	e6	23	qf7	xf7	43	rs6	ph8			
4	hf3	bd6	24	bg6	xb7	44	rs8	rs8			
5	Ne5	0-0	25	b3	xd9	45	g8=0	kg8			
6	h7d2	c5	26	h75	d4	46	h73	rg7			
7	c3	h7c6	27	h74	h7d7	47	h73	h76			
8	h73	h7c7	28	h77	h7d7	48	h7d4	h75			
9	h7f3	h7e4	29	h7c6	h7b7	49	h73	h76			
10	0-0	f6	30	h7e6	g6	50	h7e5	h76			
11	h7c6	h7f4	31	h7f3	h7f3	51	h7e6	h76			
12	ef4	h7c6	32	h7f3	h7d7	52	h7f5	h75			
13	g3	cd4	33	h7g2	h75	53	h7g	h76			
14	cd4	c5	34	h7a6	xd5	54	h7c4	h77			
15	qcf2	qef7	35	ag6	a4	55	g5	h77			
16	dc	xc5	36	ba	vos	56	xd6	h78			
17	ch7	h78	37	h7g5	h74	57	h7f6	h77			
18	h74	qpd6	38	xb6	uab	58	h7f7	h78			
19	qg6	qcf7	39	h7	xc2	59	h75	h77			
20	xf7	cd6	40	h5	xc8	60	g6	h78			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
17.07.25				17.07.25				17.07.25			

10:23

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B-14
Round 1
Board 36

Date 17.07.26

WHITE		Larionov Tikhon		FED	RUS	RESULT (W)	1	
BLACK		Gao Benfei		FED	CHN	RESULT (B)	0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Re4	Bxf7	41	Kf4	Kb4
2	Nf3	d6	22	Rxe2	Qc6	42	b6	Kxa4
3	d4	cxd	23	Bc4	Rd8	43	b7	Ka7
4	Nxd4	Nf6	24	Bxf7	Kf8	44	b8-Q	a4
5	Nc3	g6	25	Re1	Kxf7	45	Qb5	Ka2
6	Bc5	Bg7	26	Rf4	Rd1	46	Qxc4	Kb1
7	f3	Nc6	27	Rxd1	Bxf7	47	Ke3	Kc1
8	Qd2	O-O	28	Kxd1	Ke6	48	Qa2	Kd1
9	O-O-O	d5	29	Ke2	Ke5	49	Qb1	
10	exd	Nxd5	30	Ke3	g5	50		
11	Nxc6	bxc	31	b4	Kd5	51		
12	Bd4	Nxc3	32	Kd3	Ke5	52		
13	Qxc5	Bxd4	33	c4	Kf5	53		
14	Rxd4	Qb6	34	h3	Ke5	54		
15	Bc4	Ba6	35	Q4	Q5	55		
16	Bb3	Ra8	36	b5	Cxb	56		
17	Rhd1	Rxd4	37	Cxb	Kd5	57		
18	Qxd4	Qxd4	38	Ke3	h5	58		
19	Rxd4	Bf1	39	h4	gxb	59		
20	Q3	Bc2	40	gxb	Kc5	60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
He		Gao Benfei		den				

10:23

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B14
Round 1
Board 36

Date

WHITE		Larionov, Tikhon		FED	RUS	RESULT (W)	1	
BLACK		高林		FED	CHN	RESULT (B)	0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g3 Re4	Bxf7 Q6	41	Kf4	Kb4
2	Nf3	d6	22	Re4	Q6	42	b6	Ka4
3	d4	cd	23	Bc4	Rd8	43	b2	Ka3
4	Nd4	Nf6	24	Bf7	Kf8	44	b8=Q	a4
5	Nc3	g3 g6	25	Re1	Kf7	45	Qb5	Ka2
6	Be3	Bg7	26	Rf1	Rd1	46	Qa4	Kb1
7	f3	Nc6	27	Rd1	Bd1	47	Ke3	Kc1
8	Qd2	O-O	28	Kd1	Ke6	48	Qa2	Kd1
9	O-O-O	d5	29	Ke2	Ke5	49	Qb1	
10	ed	Nd5	30	Ke3	g5	50		
11	Nc6	bc	31	b4	Kd5	51		
12	Bd4	Nc3	32	Kd3	Ke5	52		
13	Qc3	Bd4	33	c4	Kf5	53		
14	Rd4	Qb6	34	h3	Ke5	54		
15	Bc4	Qa6	35	a4	Q5	55		
16	Bb3	Ra8	36	b5	c6	56		
17	Rhd1	Rd4	37	c6	Kd5	57		
18	Qd4	Qd4	38	Ke3	h5	58		
19	Nf4	Bc1 Bc1	39	h4	gh	59		
20	B3	Bc1 Bc1	40	gh	Kc5	60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
				den				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE 高蒙阳		FED		RESULT (W)	
BLACK Tran Hoang		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	ed	gf
2	Nf3	d6	22	Be2	Rd2
3	d4	cd	23	Kh1	Kd2
4	Nd4	Nf6	24	c4	Kc3
5	Nc3	a6	25	Kh2	cs
6	Be3	e5	26	Nb1	Qb2
7	Nf3	Be7	27	Rj4	Rb8
8	a4	h6	28	g3	Ngh
9	a5	Be6	29	Qe2	Be2
10	Nd5	Nbd7	30	Be2	Nes
11	Nf6	Nf6	31	Ng2	Rd1
12	Bb6	Qd7	32	Rd1	Bap
13	Bd3	O-O	33	Rc1	Be2
14	Be2	Bd8	34	Rc2	Nc6
15	Bd8	Rfd8	35	Rm2	Re8
16	O-O	Rac8	36	f4	Rd8
17	Rfd1	Qc7	37	Kg2	g6
18	h3	Nh5	38	Kf2	Kg7
19	c3	Nf4	39	Ke3	f5
20	Qf1	d5	40	g4	Kf6
SIGNATURE (WHITE) 高蒙阳		SIGNATURE (BLACK) 阮海光		SIGNATURE (ARBITER) Mdm	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE Gao Haoyang		FED CHN		RESULT (W)	
BLACK Tran Hoang		FED VIE		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 f2 g	c5 f30	21	Qxd5 S6	Bxd5 31
2	Nf3 f2 g	d6 f31	22	Be2 S5	Qe7
3	d4 f2 g	cd f31	23	Kh1 g9	Qd8 25
4	Nxd4 f30	Nf6 f31	24	c4 g6	Bc6 25
5	Nc3 f30	a6 f31	25	Qd2 g5	e5 24
6	Be3 f30	e5 f31	26	Ne1 g3	Qd8 22
7	Nf3 f28	Be7 f31	27	Bg4 g2	Rd8 22
8	a4 f26	R6 f28	28	g3 g1	Ng6 22
9	a5 f24	Be6 f27	29	Qe2 g1	Qd8 20
10	Nd5 f20	Nbd7 f00	30	Bxe2 g1	Ne5 20
11	Nxf6 f14	Nxf6 f00	31	Nc2 g0	Rd4 f7
12	Bb6 f12	Qd7 S9	32	Rd1 g1	Ba4 18
13	Bd3 f10	O-O S9	33	Rc1 g9	Bxc2 18
14	Qe2 f08	Be8 48	34	Rxc2 g0	Nc5 18
15	Bxd8 f06	Rfd8 47	35	Ra2 g9	Re8 18
16	O-O f06	Rac8 46	36	f4 g6	Rd8 12
17	Rfd1 f05	Qc7 g5	37	Ng2 g5	g6 11
18	R3 f04	Nh5 40	38	Qd2 g3	Qd7 11
19	c3 f01	Nf4 g3	39	Ke3 g1	f5 11
20	Qf1 g9	d5 g2	40	g4 g0	Qf6 12
SIGNATURE (WHITE) 高蒙阳		SIGNATURE (BLACK) 阮海光		SIGNATURE (ARBITER) Mdm	

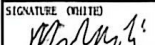
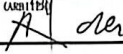
28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE								FED		RESULT (N)	
Lin, Richard Jingjie								NZL		1/2	
BLACK								FED		RESULT (D)	
He, Zhenyuan								CHN		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bd2	Qf5	41	gxf1	Qf6			
2	Nf3	Nc6	22	Ng1	h5	42	Rg5	Ng5			
3	g5	d6	23	Qg2	Rg4	43	Be1	Ng6			
4	Bg2	Nh6	24	Qe4	Qd7	44	Qd4	Ng4			
5	Nc3	g6	25	c3	h4	45	Bb6	h5			
6	0-0	Bg7	26	gxf4	Gm4	46	LCR	Kf7			
7	d3	0-0	27	dxc	d6	47	Na4	Ng6			
8	Bc3	Ng4	28	Qg2	Qf5	48	Na1	Ng5			
9	Bd2	Nh4	29	Qg3	Ng7	49	Rc5	Ng4			
10	h3	Nh6	30	Rd5	Af3	50	Rc6	Rd4			
11	Bc3	Qd5	31	Kd1	Nd3	51	Bd5	Rc7			
12	Kd2	b5	32	Qg2	Nd6	52	Kc3	LCR			
13	Nb3	Qd6	33	Bg3	Ng4	53	Nb4	g4			
14	a5	Kf5	34	Qd4	Cd5	54	Bb6	Ng7			
15	Bd3	Rd4	35	d4	Ng5	55	b3	Ng4			
16	f4	Nh6	36	Qd2	Cd4	56	b4	Rd7			
17	Kd2	Qd8	37	Rd5	g5	57	LCR	Kd4			
18	Kd1	Sd7	38	Nd4	Rd4	58	b5	Kd4			
19	Nd4	Bd6	39	Cd4	Bf3	59	d6	Ng7			
20	Rd1	Ac1	40	Ng5	Qd4	60	Bd4	Cd4			
SIGNATURE (WHITE)								SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Richard Lin								Zhenyuan He		Arbiters	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE						FED		NZL		RESULT (N)	
Lin Richard Jingjie										1/2	
BLACK						FED		CHN		RESULT (D)	
何梓培										1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	Qd2	Qf5	41	ef	fg			
2	Nf3	Nc6	22	kg1	h5	42	Rg5	fg			
3	g3	d6	23	Qg2	Rc8	43	Bd5	fg			
4	Bg2	Nf6	24	Qe4	Qd7	44	Qg4	Bg4			
5	Nc3	g6	25	c3	h4	45	Bd1	a5			
6	0-0	Bg7	26	gh	Bxh4	46	Kf2	Kf7			
7	d3	0-0	27	Bf2	Bf6	47	Re7+	Kg6			
8	Be3	Ng4	28	Qg2	Qf5	48	Rd7	Bf5			
9	Bd2	Bd7	29	Qg3	kg7	49	Rv5	Be4			
10	h3	Nf6	30	Re3	Rh8	50	Bd6	Rc8			
11	Be3	Qd5	31	Rae1	Nd8	51	Bc7	Rc7			
12	Nd2	b5	32	Qg2	Ne6	52	Kd6	Kf5			
13	Nb3	Qd6	33	Bg3	b4	53	Bxh4	g4			
14	h e5	Nxe5	34	Qe4	Qh5	54	Bd6				
15	BxQ8	RxQ8	35	d4	d5	55					
16	f4	Nc6	36	Qg2	cd	56					
17	Kh2	Qc8	37	Re5	g5	57					
18	Ne4	Bxh3	38	Nxd4	Nxd4	58					
19	Nxf6	Bxf6	39	Cxd4	Bf3	59					
20	Re1	Bg4	40	fxf5	Qg4	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

WHITE						FED		RESULT (N)	
BLACK						FED		RESULT (D)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1		Ke4	21			41			
2	b5	Ku4	22			42			
3	b6	Rb7	23			43			
4	Bc4	1Cc4	24			44			
5	Bc7	1Cb5	25			45			
6	1Ra7	1Rb6	26			46			
7	1Bb6	1Cb8	27			47			
8	Ra3	1Bc4	28			48			
9	Kg3	f5	29			49			
10	Kf4	Kb5	30			50			
11	Rb3	Kc4	31			51			
12	1Rb8	d4	32			52			
13	a4	Kd3	33			53			
14	a5	Ke2	34			54			
15	a6	d3	35			55			
16	a7	d2	36			56			
17	Re1	eb8	37			57			
18	a8-a	Qd2	38			58			
19			39			59			
20			40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Richard Lin			C.M.			Arbiters			

WHITE						10/07/2020		38	
Lin, Richard Jingjie						FED NZL		RESULT (N) 1/2	
He, Zeng						FED CHN		RESULT (D) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Bc7	1Cb5	21			41			
2	Rd1	Rd6	22			42			
3	1Bb6	1Kxb6	23			43			
4	1Ra3	1Bd4	24			44			
5	1Kg3	1K5	25			45			
6	1Kf4	1Kg5	26			46			
7	1Rg4	1K5	27			47			
8	1Rg4	1K4	28			48			
9	1Kf4	1K7	29			49			
10	a5	1Kc2	30			50			
11	a6	1K7	31			51			
12	a1	1K2	32			52			
13	Rd9	1Kd4	33			53			
14	a8-a	1Kd2	34			54			
15			35			55			
16	h		36			56			
17			37			57			
18			38			58			
19			39			59			
20			40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Richard Lin			何梓培			Arbiters			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

SHEN ZHEN
深圳 深圳



Date 17.07.26

Board 39

Group 814
Round 1

WHITE		BLACK		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE
1	Nx6	21	Bd3	Rd8	Rd8	h3	Rd8		
2	c4	22	e6	Rc1	NBd6	h3	Rd8		
3	Nc5	23	Bd7	Rd1	Kt8	h3	Rd8		
4	Bd2	24	O-D	Bc2	Rc7	h3	Rd8		
5	Qb	25	Bc7	Cd	Nd5	h3	Rd8		
6	Bg5	26	h6	Bc7	Ke7	h3	Rd8		
7	Bxh6	27	Bxh6	Bxh6	Rxd5	h3	Rd8		
8	Nf3	28	Bxd5	f3	Rd7	h3	Rd8		
9	e3	29	c6	Bd6	Bd6	h3	Rd8		
10	Bd3	30	Nd7	Kxc6	Rxd4	h3	Rd8		
11	O-O	31	Nb6	Rb4	Rxd4	h3	Rd8		
12	b3	32	dxc9	Rc7	Rd7	h3	Rd8		
13	bxc9	33	C5	Rxd7	Rxd7	h3	Rd8		
14	Bc2	34	Bd7	Kf2	Kc6	h3	Rd8		
15	Ne4	35	Cxh4	Kc3	Kd5	h3	Rd8		
16	Nxh6	36	Kd3	e5	d4	h3	Rd8		
17	Bxd4	37	f9	d4	d4	h3	Rd8		
18	Exd4	38	R8	d4	e9	h3	Rd8		
19	Ne5	39	f6	Ke3	Kc4	h3	Rd8		
20	Nxd7	40	Nxd7	N3	Kb3	h3	Rd8		

10:32

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

SHEN ZHEN
深圳 深圳



Date 17.07.26

Board 39

Group B14
Round 1

WHITE		BLACK		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE
1	d4	21	Cd3	h3	h3	h3	h3		
2	C4	22	Qb	Qb	h3	h3	h3		
3	Kc3	23	Qb4	h3	h3	h3	h3		
4	Car	24	O-O	h3	h3	h3	h3		
5	a3	25	Cc2	h3	h3	h3	h3		
6	Q5	26	h6	h3	h3	h3	h3		
7	Cc6	27	Qd5	h3	h3	h3	h3		
8	Kt3	28	d5	h3	h3	h3	h3		
9	e3	29	C6	h3	h3	h3	h3		
10	Cd3	30	h3	h3	h3	h3	h3		
11	O-O	31	h3	h3	h3	h3	h3		
12	K3	32	h3	h3	h3	h3	h3		
13	h6	33	C5	h3	h3	h3	h3		
14	Cc2	34	h3	h3	h3	h3	h3		
15	h4	35	Cd	h3	h3	h3	h3		
16	Kt6	36	h3	h3	h3	h3	h3		
17	Qd4	37	h3	h3	h3	h3	h3		
18	ed	38	h3	h3	h3	h3	h3		
19	Kc5	39	h3	h3	h3	h3	h3		
20	Kd7	40	h3	h3	h3	h3	h3		

10:32

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.17

Group B14

Round 1

Board 40

WHITE Jimingxuan			FED			RESULT (W) 1		
BLACK Li Jiacheng			FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	Nf6	21	f4	Qf6	41		
2	Nc3	e6	22	Rf1	Ne4	42		
3	e4	Lg	23	f5	Ng5	43		
4	e5	Nd7	24	Rg3	L5	44		
5	Cxd5	Pxd5	25	Ng4	Rd6	45		
6	d4	NBb4	26	f6	h4	46		
7	Nf3	O-O	27	Ag2	Kxg2	47		
8	Bd3	f6	28	Ne5	Kh8	48		
9	O-O	Bxc3	29	Bxc4		49		
10	bxc3	Rc2	30			50		
11	Qc2	Nf8	31			51		
12	Ba3	Nd7	32			52		
13	Rc1	h6	33			53		
14	Bf5	fxe5	34			54		
15	Bxf8	Nxf8	35			55		
16	Nxe5	Qxf6	36			56		
17	Bd3	Bb7	37			57		
18	Re3	Re6	38			58		
19	Rf3	Qd8	39			59		
20	Rh3	h6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Jimingxuan			SIGNATURE (BLACK) Li			SIGNATURE (ARBITER) zhen		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.17

Group B14

Round 1

Board 40

WHITE Jimingxuan			FED			RESULT (W) 1		
BLACK Li Jiacheng			FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Mf6	21	f4	Qf6	41		
2	Nc3	e6	22	Rf1	Ne4	42		
3	e4	d5	23	f5	Ng5	43		
4	e5	Nd7	24	Rg3	L5	44		
5	cd	ed	25	Ng4	Rd6	45		
6	d4	Bb4	26	f6	h4	46		
7	Nf3	O-O	27	Ag2	Kxg2	47		
8	Bd3	f6	28	Ne5	Kh8	48		
9	O-O	Bxc3	29	Bxc4		49		
10	bxc3	Rc2	30			50		
11	Qc2	Nf8	31			51		
12	Ba3	Nd7	32			52		
13	Rc1	h6	33			53		
14	Bf5	fxe5	34			54		
15	Bxf8	Nxf8	35			55		
16	Nxe5	Qxf6	36			56		
17	Bd3	Bb7	37			57		
18	Re3	Re6	38			58		
19	Rf3	Qd8	39			59		
20	Rh3	h6	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Jimingxuan			SIGNATURE (BLACK) Li			SIGNATURE (ARBITER) zhen		

28th Asian Youth Chess Championships 2026										2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
WHITE										BLACK									
Amilo Nimsara										Amilo Nimsara									
FED										FED									
CHN										SRI									
RESULT (W)										RESULT (B)									
0										1									
Board 41										Date 7.17									
Round 1										Group 13/4									
10:52																			

10:29

WHITE		BLACK		FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
Sukhanov Nikita		Li Shanyu		KAZ		CHN		0		1	
1	e4	a6	Nd2	a3	gh	gh	gh				
2	a4	Nf6	Bf6	Bf4	Rg1	Rd8	Rd8				
3	Nc3	g6	Ne4	Bg7	Rd8	Rd8	Rd8				
4	f3	Bg7	Qd6	Rc5	Rg5	Rg5	Rg5				
5	Be3	O-O	Qd8+	Rd8	Ra8	Ra8	Ra8				
6	Qa2	Re8	Nc5	Pc	Ra6	Ra6	Ra6				
7	O-O-O	Nc6	Pc6	Ba6	Rb7	Rb7	Rb7				
8	g4	Re5	Nb5	Bb5	Rb6	Rb6	Rb6				
9	a5	Nd4	Bb5	Q4	Rb8#	Rb8#	Rb8#				
10	Ne2	Nf3	d6	NfRb1							
11	Nf3	Nd4	d7	Rd8							
12	Qb4	Nf6	Bc4	Bd4							
13	h3	Bf8	Rf7	Kh8							
14	Kb1	c6	Rc7	Bf6							
15	c4	cd	Re8+	Kg7							
16	cd	b6	Rc4	Rp8							
17	Nc3	Bb7	b3	a5							
18	Bb8	Re7	Rd8	Rd8							
19	Bg5	Rc7	Bb6	Bg5							
20	Rf8	Bg7	Rf1	N5							
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		Li Shanyu		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		Zhang	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



NOTE		L1 Zexia		Talgat Ayman		FED KAZ		FED CHN		RESULT (A) -		RESULT (W) +	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1			21			41							
2			22			42							
3			23			43							
4			24			44							
5			25			45							
6			26			46							
7			27			47							
8			28			48							
9			29			49							
10			30			50							
11			31			51							
12			32			52							
13			33			53							
14			34			54							
15			35			55							
16			36			56							
17			37			57							
18			38			58							
19			39			59							
20			40			60							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		FED		RESULT (A)	
WHITE		BLACK		FED		RESULT (B)	
1		21					
2		22					
3		23					
4		24					
5		25					
6		26					
7		27					
8		28					
9		29					
10		30					
11		31					
12		32					
13		33					
14		34					
15		35					
16		36					
17		37					
18		38					
19		39					
20		40					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE

28th Asian Youth Chess Championships 2026		2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛							
Group B19	Round 1	Board 44	Date 7.17	WHITE		BLACK			
				Gorchakov Aleksandr		梁嘉硕			
		FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
						1		0	
						WHITE		BLACK	
#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE	#	BLACK	#	WHITE
1	e4	21	NA3	NA3	h6	41	Nc6		
2	Nf3	22	Nc4	Nc4	h6	42			
3	Bc4	23	Bc5	Kg4	Rf8	43			
4	b4	24	Bb4	f3	Kf8	44			
5	c3	25	Ba5	Rd5	Nd4	45			
6	d4	26	ed	Nb6	Nc2	46			
7	0-0	27	Nf6	Bc5	Kc8	47			
8	e5	28	d5		Ra1	48			
9	Bb5	29	Nc4			49			
10	cd	30	0-0			50			
11	Bc6	31	Rb6			51			
12	Qa4	32	Bb6			52			
13	Qc6	33	Bg4			53			
14	Be3	34	Bf3			54			
15	g6	35	Nb5			55			
16	Kg2	36	Nc6			56			
17	Rd1	37	Qh4			57			
18	Qd5	38	Ra8			58			
19	Qc4	39	Qc4			59			
20	f6	40	Nd4			60			
				SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
				梁嘉硕		26.07			

11:53

28th Asian Youth Chess Championships 2026		2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛					
Group B19	Round 1	Board 44	Date 17.07	WHITE		BLACK	
				Gorchakov Aleksandr		Liang Jinsuo	
FED		FED		RUS		CHN	
RESULT (W)		RESULT (B)		7		0	
#		#		WHITE		BLACK	
1	e4	21	Nc3	Nc6	41		
2	Nf3	22	Nc4	Nc6	42		
3	Bc4	23	Kg3	Kc8	43		
4	b4	24	f3	Kf8	44		
5	c3	25	Rd5	Nd4	45		
6	d4	26	Nb6	Nc2	46		
7	0-0	27	Bc5	Kg8	47		
8	e5	28	Rd1		48		
9	Bd5	29			49		
10	Cxd4	30	0-0		50		
11	Bc6	31	Bc6		51		
12	Qa4	32	0-0		52		
13	Qc6	33	Bg4		53		
14	Be3	34	Bf3		54		
15	gxf3	35	Nb5		55		
16	Nf5 Nc6	36			56		
17	Rd1 Qh4	37			57		
18	Qxd5	38	Ra8		58		
19	Qc4	39	Qc4		59		
20	f6	40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		26.07	

11:53

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group

1314

Round

1

Board

45

WHITE				FED				RESULT (W)			
F								0			
BLACK				FED				RESULT (B)			
								1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	Nf6	21	Ne5	Rc3	41					
2	c4	d6	22	ab2	ac7	42					
3	Nc3	Bb4	23	Rc1	Rc8	43					
4	ac2	d5	24	Nd3	Ne4	44					
5	Bg5	0-0	25	Ne2	rc2	45					
6	e3	b6	26	Rc2	ac2	46					
7	cd	ed	27	Rc1 Nf4	g5	47					
8	Bd3	h6	28	Nd5	Bd5	48					
9	Bh4	Bb7	29	Rc1	b3	49					
10	a3	Be7	30	Rc2	Rc3	50					
11	Nf3	Nd7	31	ab1	Nd2	51					
12	0-0	c5	32	Qd1	Nf1	52					
13	Re1	a6	33	Kf1	Bc4	53					
14	b3	b5	34	Ke1	Kd3	54					
15	a4	c4	35	Qd3	Rc1	55					
16	Bf1	b4	36	Qd1	Kd2	56					
17	Ne2	Rc8	37			57					
18	Bf6	Nt6	38			58					
19	Ng3	cb	39			59					
20	ab3	g6	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Feng-feng				Inpc zhenqun				zhao			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.17

Group

1314

Round

1

Board

45

WHITE						FED		RESULT (W)	
Lu, Yuxuan								0	
BLACK						FED		RESULT (B)	
Wei, Zhenqun								1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	ies	Rc3.	41	f3.	Qc1	
2	c4.	e6	22	Qb2	Qc7.	42	Kf1	Qd1	
3	Nc3.	Bb4	23	Rc1	Rc8.	43	Kf2	Qe1.	
4	Qc2.	d5	24	nd3.	ne4	44			
5	Bg5	0-0	25	Nd2.	RC2	45			
6	e3	b6	26	Rc2	Qc2.	46			
7	cd.	ed.	27	nef4.	g5	47			
8	Bd3.	h6.	28	nd5	Bd5	48			
9	Bh4	Bb7	29	Rc1	b3.	49			
10	a3.	Be7.	30	Rc2	Rc2.	50			
11	Nf3	Nbd7	31	Qb1.	nd2	51			
12	0-0.	c5	32	Qd1.	Nf1.	52			
13	Re1	a6	33	Kf1.	Bc4	53			
14	b3.	b5.	34	Ke1.	Bd3	54			
15	a4.	c4	35	Qd3.	Rc1	55			
16	Bf1	b4	36	Qd1.	b2.	56			
17	Ne2.	Rc8	37	Kd2.	Rd1	57			
18	Bf6	Nf6.	38	Kd1	b1=Q	58			
19	Ng3.	cb	39	Kd2	Bb4	59			
20	Qb3	g6	40	Ke2	g4	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Feng			Wei, Zhenqun			zhao			

12 57

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 26.07.17 Board 46

WHITE Glushkov, Dmitry E				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Tao, Xiyuan				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bd4	b5	41	Bb5	Bf5			
2	d4	d5	22	a4	ba	42	Re8	Rc7			
3	ed	cd	23	Ra4	b5	43	Rb8	Kg6			
4	Bd3	Nc6	24	Ra5	Rb8	44	Kf4	Bd3			
5	c3	Nf6	25	Rha1	Rcc8	45	Rh8	Bf1			
6	Bf4	Bg4	26	Ra6	h5	46	Kg4	Bg2			
7	Qb3	Qb6	27	h4	Bf5	47	Rh4	Kg7			
8	Qb6	ab	28	Ra7	g6	48	Rh2	Bf1			
9	Nd2	Rc8	29	Bc5	Rc6	49	Ra2	Ro8			
10	h3	Bh5	30	Rd5	g5	50	Ra7	Kg6			
11	Nf3	Bg6	31	h9	Bg6	51	Ra1	Be2			
12	Bb5	Nd7	32	Rda7	Ka97	52	Rh1	Roc7			
13	Ne5	Nde5	33	Rla5	h4	53	Kf4	Bd3			
14	de	eb	34	Ra8	Rcc8	54	Rh8	Kg7			
15	Nb3	Be7	35	Rb8	Rb8	55	Re8	Kg6			
16	Be3	O-D	36	Bd6	Rb7	56	Rb8	Kg7			
17	Bcb	Rcb	37	Ra8	Bf5	57	Ke3	Bf1			
18	Nd4	Rc7	38	Ko3	Rb6	58	f4	Kg6			
19	Kd2	Bc5	39	Rc8	Rb7	59	Rg8	Kh7			
20	b4	Bd4	40	Bd4	Bd4	60	Ra8	Kg7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Tao				Tao				zheng			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 11.07.2026 Board 46

WHITE Glushkov, Dmitry				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Tao, Xiyuan				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bd4	b5	41	K3	Bf5			
2	d4	d5	22	a4	ba	42	Re8	Rc7			
3	e4d5	cd5	23	Ra4	B5	43	KB8	Kg6			
4	Bd3	Nc6	24	Ra5	Rb8	44	Kf4	Bd3			
5	c3	Nf6	25	Ra4	AR9CV	45	KH8	Bf1			
6	Bf4	Bg4	26	Ra5	h5	46	Kg4	Bg2			
7	Qb3	Qb6	27	H4	Br5	47	KH4	Kg7			
8	Qb6	ab6	28	Ra7	g6	48	KH2	Bf1			
9	Nd2	Rc8	29	Bc5	Rc6	49	Ka2	Kc8			
10	H3	Bh5	30	Kd1	g5	50	Ka7	Kg6			
11	Ng3	Bg6	31	Hg5	g6	51	Ka1	Be2			
12	Bb5	Nd7	32	Rda7	Kg7	52	RH1	Rc7			
13	Ne5	Nde5	33	La5	H4	53	Kf4	Bd3			
14	des	eb	34	Ra8	Kc8	54	KH8	Kg7			
15	Nb3	Be7	35	Rb8	Kb8	55	Re8	Kg6			
16	Be3	O-O	36	Bd6	Rb7	56	Rb8	Kg7			
17	Bc6	Rc6	37	Ra8	Bf5	57	Ke3	Bf1			
18	Nd4	Rc7	38	Ke3	Rb6	58	f4	Kg6			
19	Kd2	Bc5	39	Rc8	Rb7	59	Kg8	KH7			
20	B4	Bd4	40	Bc5	Be4	60	Ka8	Kg7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Tao				Tao				zheng			

WHITE Glushkov, Dmitry E				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Tao, Xiyuan				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ra1	Bc4	21	Kd4	Bf6	41					
2	Ra8	Bf1	22	Rb5	Bb6	42					
3	Rd8	Kg6	23	Rb5	Kg6	43					
4	Rg8	Kk47	24	Bd6	Rc8	44					
5	Rf8	Kg6	25	Rc5	Ra8	45					
6	Rh8	Kg7	26	b5	Ra4	46					
7	Rh6	Bc4	27	Ke3	Ra5	47					
8	Rfb	Rd7	28	Bc7	Ra3	48					
9	Kf3	Bd3	29	b6	Bc8	49					
10	Rh6	Rc7	30	Bd6	Bh6	50					
11	Ke3	Bf1	31	Rcb	Rcb	51					
12	Rfb	Bc4	32	Bb4	Kf5	52					
13	Kd4	Be2	33	eb	Bb7	53					
14	g6	Bh5	34	Rc7	Ba6	54					
15	gf	Bf7	35	e7	Bb5	55					
16	Ke3	Rc8	36	b7	Rb2	56					
17	f5	ef	37	b8-7a	d4	57					
18	Rf5	Bb6	38			58					
19	Rf6	Re7	39			59					
20	Bc5	Re8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Tao				Tao				zheng			

WHITE Glushkov, Dmitry				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Tao, Xiyuan				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	R1	Bc4	21	Bc5	Re8	41					
2	Ra8	Bf1	22	Kd4	Bf7	42					
3	Rd8	Kg6	23	Rb6	Bc8	43					
4	Kg8	KH4	24	Rb5	Kg6	44					
5	Kf8	Kg6	25	Bd6	Rc8	45					
6	KH8	Kg7	26	Rc5	Ra8	46					
7	RH6	Bc4	27	B5	Ra4	47					
8	RH6	Rd7	28	Ke3	Ra5	48					
9	Ke3	Bd3	29	Bc7	Ra3	49					
10	RH6	Rc7	30	B6	Bc8	50					
11	KP3	Bf1	31	Bd6	Ba6	51					
12	RH6	Bc4	32	Rc6	Rb3	52					
13	Kd4	Bc2	33	Bb4	Kf5	53					
14	g6	Bh5	34	eb	Bb4	54					
15	gf	Bf7	35	Rc7	Ba6	55					
16	Ke3	Rc8	36	ef	Bb5	56					
17	Bd4	Re8	37	Bb4	Rb2	57					
18	f5	BH5	38	B8-7a	d4	58					
19	Kf5	Be6	39	Kd4		59					
20	Kf6	Re7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Tao				Tao				zheng			

10:54

28th Asian Youth Chess Championships 2026

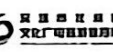
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
2026.7.17Group
B14Round
1Board
47

WHITE Wang Zeyu				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Jiang Weiyuan				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	te	ag3t	41					
2	c3	nt6	22	*k f1	Rd8	42					
3	e5	nd5	23	h4	he4	43					
4	Btd4	A+3e6	24			44					
5	nt3	e6	25			45					
6	cd	d6	26			46					
7	nc3	be h3	27			47					
8	ac7	ac1	28			48					
9	ad7	ed Nd1	29			49					
10	c4ed	Bd6	30			50					
11	c4	b6	31			51					
12	be3	0-0	32			52					
13	Rc1	b67	33			53					
14	Be2	e5	34			54					
15	h3	ed	35			55					
16	bxd4	pre8	36			56					
17	be3	bft4	37			57					
18	Rc3	nc5	38			58					
19	Qc2	bxe3	39			59					
20	Rxe3	Rxe3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) wangzeyu				SIGNATURE (BLACK) Jiang Weiyuan				SIGNATURE (ARBITER) zheng			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
2026.7.17Group
B14Round
1Board
47

WHITE Wang, Zeyu (SZ)				FED Cn				RESULT (W) 0			
BLACK Jiang Weiyuan				FED Cn				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	fe.	ag3.	41					
2	c3	Nf6	22	H1	Rd8	42					
3	e5	Nd5	23	h4	Ne4	43					
4	d4	cd	24			44					
5	Nf3	e6	25			45					
6	cd	d6	26			46					
7	Nc3	Nc3	27			47					
8	bc.	Qc7.	28			48					
9	Qb3.	Nd7.	29			49					
10	ed	Bd6	30			50					
11	c4.	b6.	31			51					
12	Be3	0-0	32			52					
13	Rc1	Bb7.	33			53					
14	Be2.	e5.	34			54					
15	h3	ed	35			55					
16	Bd4	Rf8.	36			56					
17	Be3	Bf4.	37			57					
18	Rc3.	Nc5	38			58					
19	Qc2	Be3	39			59					
20	Re3	Re3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) wangzeyu				SIGNATURE (BLACK) Jiang Weiyuan				SIGNATURE (ARBITER) zheng			

10:54

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7-17

Group B14
Round 1
Board 48

WHITE Mullkara I				FED KGZ		RESULT (W) 1		
BLACK 温梓豪				FED CHN		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	Qe5	21	Kh1	Qc4	41		
2	Nf3	d5	22	Bh6	Qc5	42		
3	Ne5	Qe7	23	Rac1	Qb4	43		
4	d4	f6	24	a3	Qb2	44		
5	Nd3	Qe	25	Rc7	b6	45		
6	Nf4	Qf7	26	Rd7	Kd7	46		
7	Nb2	f5	27	Qf7	Kd6	47		
8	Bc4	Qf6	28	Bf4		48		
9	Nd5	Qd8	29			49		
10	O-O	Nf6	30			50		
11	Nf6	Qf6	31			51		
12	c3	Bd7	32			52		
13	Re1	Be7	33			53		
14	f3	ef	34			54		
15	Nf3	h6	35			55		
16	Ne5	Nc6	36			56		
17	Qh5	Kd8	37			57		
18	Nf7	Kc8	38			58		
19	Nf8	Nd4	39			59		
20	cd	Qd4	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
			温梓豪			zheng		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 17.07.

Group U14
Round 1
Board 48

WHITE Mulkhara Iskender				FED Kyrgyzstan		RESULT (W) 1		
BLACK Wen, Zhen				FED China		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	B5	21	Kf1	Qxc4	41		
2	Nf3	d5	22	Bxh6	Qc5	42		
3	Nxe5	Qe7	23	Rc1	Qb4	43		
4	d4	f6	24	c3	Qxb2	44		
5	Nd3	Qd4	25	Re7	b6	45		
6	Nf4	Qf7	26	Rxd7	Kxd7	46		
7	Nb2	f5	27	Qf7	Kd6	47		
8	Bc4	Qf6	28	Bf4		48		
9	Nd5	Qd8	29			49		
10	O-O	Nf6	30			50		
11	Nd6	Qd6	31			51		
12	c3	Bd7	32			52		
13	Re1	Bd7	33			53		
14	f3	Bd5	34			54		
15	Nxf3	h6	35			55		
16	Nf5	Nc6	36			56		
17	Qd5	Kd8	37			57		
18	Nf7	Kc8	38			58		
19	Nxf8	Nxd4	39			59		
20	Qd4	Qd4	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

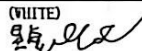
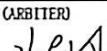


Date
17/7

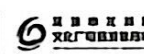
Group
B14

Round
1

Board
49

WHITE Wu, Zhuoxuan				FED CHN		RESULT (W) 1/2		
BLACK Zhang Hanwen				FED HKG		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qb3	Bg6	41	Qb5	Qcl+
2	Bf4	Nf6	22	Re3	Ng5	42	Nf1	Bc4
3	e3	c5	23	Rae1	Nxf3+	43	Qe4	Kh7
4	c3	Nc6	24	Nxf3	Bf7	44	Qe4+	Kg8
5	Nd2	cx d4	25	cx d5	ex d5	45	Qe4+	Kh7
6	ex d4	Bf5	26	h3	Re4	46	Qe4+	
7	Nbf3	e6	27	Qc3	Rae8	47		
8	Be2	Bd6	28	Qd3	Rxe3	48		
9	Bxd6	Qxd6	29	Rxe3	Rxc3	49		
10	O-O	O-O	30	Q+R	Bg6	50		
11	Re1	h6	31	Qc3	a5	51		
12	Nb3	b6	32	Nh4	Bb1	52		
13	Bd3	Nf4	33	a3	Qf4	53		
14	Bxe4	Bxe4	34	Nf3	Qd6	54		
15	Nb d2	Bh7	35	Nd2	Bg6	55		
16	Qe2	Rf8	36	Nf1	Qd7	56		
17	Ne5	Nd8	37	Ne3	Be4	57		
18	Nf3	f6	38	f3	Bg6	58		
19	Qb5	Nf7	39	Qb3	Qc7	59		
20	c4	a6	40	Qd4	Bf7	60		
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) 		SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7.17

Group
B14

Round
1

Board
49

WHITE Wu Zhuoxuan				FED		RESULT (W) 0.5		
BLACK Zhang Hanwen				FED		RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rae1	Nxf3	41	Qe8	Kh7
2	Bc4	Nc6	22	Nxf3	Bf7	42	Qe4	Kg8
3	e3	c5	23	cd	ed	43	Qe8	Kh7
4	c3	Nc6	24	h3	Re4	44	Qe4	
5	Nd2	cd	25	Qc3	Rae8	45		
6	ed	Bf5	26	Qd3	Rxe3	46		
7	Bf5	e6	27	Rxe3	Rxe3	47		
8	Be2	Bd6	28	Qxe3	Bg6	48		
9	Bxd6	Qxd6	29	Qc3	a5	49		
10	O-O	O-O	30	Nh4	Bb1	50		
11	Re1	h6	31	Ra3	Qf4	51		
12	Nb3	b6	32	Nh4 Nf3	Qd6	52		
13	Bd3	Ne4	33	Nd2	Bg6	53		
14	Bxe4	Nbd2	34	Nf1	Qd7	54		
15	Qe2	Rfe8	35	Ne3	Be4	55		
16	Ne5	Nd8	36	f3	Bg6	56		
17	Nef3	f6	37	Qb3	Qc7	57		
18	Qb5	a6	38	Qd5	Bf7	58		
19	Qb3	Bg6	39	Qb5	Qc1	59		
20	Re3	Rae1 Ng5	40	Nf1	Bc4	60		
SIGNATURE (WHITE) Wu Zhuoxuan			SIGNATURE (BLACK) Zhang Hanwen			SIGNATURE (ARBITER) Zhang Hanwen		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



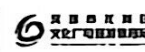
Date 2026.7.17

Group B14
Round 1

Board 10

WHITE 曹辰 Cao Chen				FED CHN		RESULT (W) 1		
BLACK 徐晨曦 Xu Chenxi				FED		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nh7	Qh7	41		
2	Kc3	Kd6	22	Kf8	Kf8	42		
3	g3	g6	23	Qh7	Kf8	43		
4	Bf2	Bf7	24	Rb6	Rf5	44		
5	a3	d6	25	Qg6	Rf7	45		
6	Bc1	a6	26	Rf6	Kd7	46		
7	Qd2	Rf6	27	Qg7	Kd7	47		
8	Nge2	Nf5	28			48		
9	Bh6	Gd	29			49		
10	Kf4	Kf5	30			50		
11	Kf5	Bh6	31			51		
12	Qh6	Qd7	32			52		
13	Kf5	Nf6	33			53		
14	of	Kf8	34			54		
15	Be4	Rf6	35			55		
16	Kf4	Nd7	36			56		
17	Nh5	Rf7	37			57		
18	Bf7	Nf6	38			58		
19	Nh4	Qd7	39			59		
20	Nh5	Rf5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 曹辰				SIGNATURE (BLACK) 徐晨曦		SIGNATURE (ARBITER) zheny		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.17

Group B14
Round 1

Board 10

WHITE 曹辰			FED			RESULT (V) 1		
BLACK 徐晨曦			FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nh7	Qh7	41		
2	Nc3	Nc6	22	Nf6	Rf6	42		
3	g3	g6	23	ah7	kf8	43		
4	Bg2	Bg7	24	Rh6	Rf7	44		
5	ds	ds	25	Qg6	Rg7	45		
6	Be3	eb	26	Rh8	kd7	46		
7	Qh2	Rb8	27	Qg7#		47		
8	Nc2	Nge7	28			48		
9	Bh6	o-o	29			49		
10	h4	dt	30			50		
11	h5	Bh6	31			51		
12	ah6	Qd7	32			52		
13	hg	Nf6	33			53		
14	et	Rd5	34			54		
15	Re4	Rd6	35			55		
16	Nd4	Nc6	36			56		
17	Nh5	Rf7	37			57		
18	Bg6	Nf6	38			58		
19	Nb4	Qd7	39			59		
20	Ng5	Rf7	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 曹辰			SIGNATURE (BLACK) 徐晨曦			SIGNATURE (ARBITER) zheny		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	1
Date	7.17
Board	51
RESULT (W)	0
RESULT (D)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	a4	Ra8
2	a4	a5	22	a5	Ne8
3	h3	Ne6	23	h1	Ne7
4	e5	Na7	24	a4	Nf5
5	f4	a4	25	Rd2	d6
6	Ne3	Ne6	26	Be4	Re8
7	Be3	a6	27	Bf1	Be6
8	Be2	cd	28	Rc3	h5
9	Na4	Be8	29	g3	Ke8
10	a3	g6	30	nh3	Bb4
11	b4	Ba6	31	Ka4	Rc3
12	Bb4	Na9	32	Bb2	R8c7
13	Qd4	abb	33	Be4	Ne7
14	Qb6	h6	34	Ra2	ndd
15	ooo	Bd1	35	h1	Re3
16	Rd4	Ke7	36	Rc2	Rc2
17	h2	Rh8	37	Be2	h6
18	Rd1	Re7	38		
19	Rc3	Re8	39		
20	Kb3	Kf8	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
3064	2015 UN	zhew

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	B14
Round	1
Date	
Board	51
RESULT (W)	0
RESULT (D)	1

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	h1	Ne8
2	d4	d5	22	Nb1	Ne7
3	Ne3	Na6	23	L4	Ne5
4	e5	Na7	24	Rd2	d6
5	f4	a5	25	Rxc4	Rc8
6	Ne3	Na6	26	Rp1	Rc3
7	Be3	a6	27	h5	g3
8	Be2	cd	28	Rp8	Na3
9	Nxh4	Bc5	29	Ba4	Kc4
10	a3	g6	30	Rc3	✓
11	b4	Bxd4	31	Bg2	z7
12	Bxd4	Nxd4	32	Bc4	Ne3
13	Qxd4	a5	33	Ra2	o RNd1
14	Qxb6	Nxb6	34	Nh1	Re3
15	Bd7	Ke7	35	Rc2	Rc2
16	Kb2	Rxc8	36	Rxc2	Nh2
17	Rd1	Rc7	37		
18	Rc8	f6	38		
19	Kf8	a4	39		
20	Ra8	a5	40		

SIGNATURE (WHITE)	SIGNATURE (BLACK)	SIGNATURE (ARBITER)
zhew	zhew	zhew

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026.7.17

Group
G14

Round
1

Board
52

WHITE				FED		THA		RESULT (W)	
Siridhanu Gavin								1/2	
BLACK				FED		CHN		RESULT (B)	
Zhang Shenghao								1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	Rh1	b5	41			
2	d4	d5	22	ds	Bb7	42			
3	Nd2	Nf6	23	d6	Bd8	43			
4	e5	Nd7	24	fg1	Bf3	44			
5	c3	c5	25	g3	Qa6	45			
6	f4	Nc6	26	Qg2	Bb6	46			
7	Ndf3	cd	27	Bb6	Qa6	47			
8	cd	Qb6	28	Kh1	Qb7	48			
9	Nd	Bb4+	29	Qa4	Rf5	49			
10	Kf2	fb	30	Rd3	Raf8	50			
11	Be3	0-0	31	Rd4	Qd5	51			
12	a3	Be7	32	Qb3	a5	52			
13	Qd2	fe	33	h4	b4	53			
14	fe	Na5	34	ab	ab	54			
15	Nd1	Nb3	35	Ra1	Rf3	55			
16	Nb3	Qb3	36	Rf3	Rf3	56			
17	Bd3	Nb6	37	Qd2	Rd3	57			
18	Rd3	Na4	38			58			
19	Rd4	d34	39			59			
20	Rc3	Qd4	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Gavin			Zhang Shenghao			Zhang Shenghao			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
17/7/2026

Group
G14

Round
2

Board
52

WHITE Gavin Siridhanu				FED THA		RESULT (W) 1/2		
BLACK Zhang Shenghao				FED CHN		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rc1	b5	41		
2	df	d5	22	ds	b5	42		
3	Nd2	Nf6	23	ds	b5	43		
4	e5	Nd7	24	Kg1	Rf3	44		
5	c3	c5	25	Sf3	ad	45		
6	fd	Nc6	26	Gj2	Bb6	46		
7	Ndf3	cd	27	Qd2	Qb6+	47		
8	cd	Qb6	28	Kh1	Qb7	48		
9	Ng2	Bb4	29	Qd2	Rf5	49		
10	Kf2	f6	30	Kf2	Rf5	50		
11	Bf3	O-O	31	Rf1	Qd5	51		
12	a3	Bf7	32	Qd3	Qd5	52		
13	Qd2	f5	33	h4	b4	53		
14	c3	Nd6	34	Qd3	Qd5	54		
15	Nc1	Nb3	35	Rd1	Rf5	55		
16	Nb3	Qxb3	36	Rf3	Rf3	56		
17	Bd3	Nb6	37	Qd3	Rf3	57		
18	Rc1	Nd4	38			58		
19	Rd4	d3	39			59		
20	Rc3	Qd4	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Gavin			SIGNATURE (BLACK) Zhang Shenghao			SIGNATURE (ARBITER) Zhang Shenghao		

10:56

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.17
Board 53

WHITE		BLACK		RESULT (W)		RESULT (B)	
张永超		CHN		0		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	Ng2	b5	41	Rg1
2	c3	Nf6	22	b3	Rc1	42	Ra1
3	e5	Ng5	23	Nxc1	b4	43	Be1
4	d4	cd	24	nd3	ob5	44	Ke3
5	cd	db	25	rd1	Bxd3	45	kd3
6	f4	Ncb	26	Rxd3	kd7	46	Rd1
7	Nf3	eb	27	Ed2	Be7	47	Ra1
8	Bc4	Nb6	28	Rg3	g6	48	a3
9	Qb3	Be7	29	Rh3	h5	49	ab
10	0-0	Bd7	30	Rg3	Rg8	50	b5
11	Nc3	d5	31	Kf1	Ke8	51	Rd1
12	Be3	Na5	32	Ke2	Kf7	52	Kc3
13	Nd2	Rc8	33	Rf3	Kg7	53	Kb4
14	Rc1	Nac4	34	Rf1	Ra8	54	Kc5
15	Nc4	Nxc4	35	Ra1	g5	55	Ra1
16	Bxc4	Rxc4	36	h3	g4	56	Rxe1
17	Qb3	Qb6	37	h9	h9	57	Kb6
18	Qxb6	ab	38	g3	kg6	58	Kxb7
19	f5	Bd8	39	kd3	Rh8	59	h4
20	fe	fc	40	Rf1	Rh3	60	b6
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		SIGNATURE (ARBITER)	
张永超		张永超		张永超		张永超	

10:56

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.17
Board 53

WHITE		BLACK		RESULT (W)		RESULT (B)	
张永超		CHN		0		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c5	21	Ne2	b5	41	Rg1
2	c3	Nf6	22	b3	Rc1	42	Ra1
3	e5	Nd5	23	Nc1	b4	43	Be1
4	d4	cd	24	Nd3	Bb5	44	Ke3
5	cd	db	25	Rd1	Bd3	45	Kd3
6	f4	Ncb	26	Rd3	Kd7	46	Rd1
7	Nf3	eb	27	Bd2	Be7	47	Ra1
8	Bc4	Nb6	28	Rg3	g6	48	a3
9	Bb3	Be7	29	Rh3	h5	49	ab
10	0-0	Bd7	30	Rg3	Rg8	50	b5
11	Nc3	d5	31	Kf1	Ke8	51	Rd1
12	Be3	Na5	32	Kc2	Kf7	52	Kc3
13	Nd2	Rc8	33	Rf3	kg7	53	Kb4
14	Rc1	Nac4	34	Rf1	Ra8	54	Kc5
15	Nc4	Nc4	35	Ra1	g5	55	Ra1
16	Bc4	Rc4	36	h3	g4	56	Rc1
17	Qb3	Qb6	37	h9	h9	57	Kb6
18	Qb6	ab	38	g3	kg6	58	Kxb7
19	f5	Bd8	39	Kd3	Rh8	59	b4
20	fe	fc	40	Rf1	Rh3	60	b6
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		SIGNATURE (ARBITER)	
张永超		张永超		张永超		张永超	

2026

9:17

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



SHENZHEN
深圳棋协



深圳市福田区
文化广电新闻出版局

Group 54B19
Round 1
Date 7-17
Board 54

WHITE		FED		RESULT (W)	
BLACK		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1			21		
2			22		
3			23		
4			24		
5			25		
6			26		
7			27		
8			28		
9			29		
10			30		
11			31		
12			32		
13			33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
[Signature]				[Signature] zheng	